

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -  
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/CBTT/2020

Thủ Dầu Một, ngày 16 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN  
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- Mã chứng khoán: **BWE**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 11 Ngô Văn Trị, P. Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0274.3824 245 Fax: 0274.3897 722
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà **Dương Anh Thu**  
Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố thông tin (\*):**

- Công bố thông tin: Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 – Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương bổ sung, chỉnh sửa.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/3/2020 tại đường dẫn: <http://www.biwase.com.vn>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

- Tài liệu đính kèm/

Tài liệu liên quan đến việc CBTT /

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Dương Anh Thu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**



**TÀI LIỆU**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2020**



*Thủ Dầu Một, ngày 17 tháng 03 năm 2020*

**DANH MỤC TÀI LIỆU**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**  
*Ngày 17/03/2020*

1. Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông.
2. Chương trình Đại hội.
3. Thẻ lệ biểu quyết.
4. Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019
5. Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch năm 2020.
6. Báo cáo tài chính tóm tắt đã kiểm toán năm 2019.
7. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2019.
8. Tờ trình và tài liệu liên quan v/v bầu thay thế thành viên ban kiểm soát.
9. Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế và các quỹ năm 2019.
10. Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cho nhiều đợt và sử dụng vốn phát hành.
11. Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ năm 2020;
12. Tờ trình Kế hoạch chi trả lương, thù lao của Ban điều hành năm 2020.
13. Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
14. Dự thảo Biên bản & Nghị quyết của Đại hội.

*Thủ Dầu Một, ngày 03 tháng 03 năm 2020*

**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

Công ty Cổ phần Nước – môi trường Bình Dương xây dựng Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

**Điều 1: Điều kiện tiến hành Đại hội**

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty được chốt ngày 31/12/2019 (Theo thông báo số 1444/TB-CNVSD của trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 28/11/2019 về việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2020).

**Điều 2: Đoàn Chủ tịch Đại hội**

Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, do Hội đồng quản trị đề cử và được Đại hội cổ đông biểu quyết thông qua. Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tịch có nhiệm vụ sau:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hướng dẫn cổ đông và Đại hội thảo luận.
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, quyết định theo đa số cổ phần của các cổ đông sở hữu.

**Điều 3: Ban Thư ký Đại hội**

Ban Thư ký gồm 02 người, do Hội đồng quản trị đề cử và được Đại hội cổ đông biểu quyết thông qua. Ban Thư ký có nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

#### **Điều 4: Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội**

Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội gồm 02 người, do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Ban kiểm tra có nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra tư cách cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Báo cáo trước Đại hội tình hình cổ đông đến dự họp. Nếu cuộc họp có số lượng cổ đông đến tham dự, đại diện ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì cuộc họp Đại hội cổ đông của Công ty đủ điều kiện tiến hành.

#### **Điều 5: Cổ đông tham dự Đại hội**

- Các cổ đông của Công ty có tên trong danh sách được chốt đến ngày 31/12/2019 hoặc người được ủy quyền (gọi chung là cổ đông) đều có quyền tham dự Đại hội.
- Cổ đông tham dự Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.
- Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác.
- Trong quá trình diễn ra Đại hội, cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Khi ra ngoài hội trường phải chấp hành các quy định và theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức.
- Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định tại Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – môi trường Bình Dương.
- Cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

#### **Điều 6: Phát biểu ý kiến trong Đại hội**

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn Chủ tịch (qua Thư ký Đại hội), khi phát biểu hoặc tranh luận thì cần giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu ý kiến. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, tránh trùng lặp với các nội dung, ý kiến khác đã nêu và phù hợp với chương trình Đại hội.

#### **Điều 7: Biểu quyết**

Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến tham dự Đại hội được phát **01 Phiếu biểu quyết**, mỗi Phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần mà cổ đông nắm giữ và phần được ủy quyền (nếu có). Phiếu này dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- Biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội.
- Biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.
- Biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình, Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
- Và biểu quyết các vấn đề khác tại Đại hội.

#### **\* Hình thức biểu quyết:**

- Đại hội biểu quyết từng vấn đề theo sự điều khiển của Đoàn Chủ tịch và theo trình tự trong nội dung chương trình Đại hội. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách biểu quyết trực tiếp.

- Ban Thư ký có trách nhiệm tập hợp kết quả biểu quyết: Đồng ý, không đồng ý. Kết quả biểu quyết được tổng hợp và công bố trong Biên bản của Đại hội.

- Các vấn đề biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi có ít nhất 65% trên tổng số cổ phần tham dự Đại hội có quyền biểu quyết thông qua.

**Điều 8: Điều khoản chung**

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông này. Cổ đông vi phạm quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý.

Trên đây là Quy chế Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*Nguyễn Văn Thiên*



**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Thời gian: 8h30' ngày 17/03/2020 - Thứ ba.

Địa điểm: Số 11 Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

| STT | Nội dung  | Thời gian     | Người thực hiện      |
|-----|---|---------------|----------------------|
| 1   | - Đón tiếp, đăng ký cổ đông dự họp, phát tài liệu đại hội.  | 8h30-9h00     | Ban tổ chức          |
| 2   | Khai mạc đại hội<br>- Chào cờ.<br>- Tuyên bố lý do tổ chức đại hội và giới thiệu thành phần tham dự.            | 9h00-9h15     | Ban tổ chức          |
| 3   | - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.<br>- Bầu Đoàn chủ tọa, ban thư ký, Ban kiểm phiếu                           | 9h15-9h20     | Bà Dương Anh Thư     |
| 4   | - Thông qua Quy chế làm việc của đại hội.<br>- Thông qua chương trình đại hội.<br>- Thông qua thể lệ biểu quyết | 9h20-9h30     | Ông Tạ Trọng Hiệp    |
| 5   | Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019.         | 9h30-9h50     | Ông Nguyễn Văn Thiên |
| 6   | Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch năm 2020.               | 9h50-10h10    | Ông Trần Chiến Công  |
| 7   | Báo cáo tài chính tóm tắt đã kiểm toán năm 2019.  | 10h10 -10h25  | Ông Trần Tấn Đức     |
| 8   | Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2019.   | 10h25-10h40   | Bà Dương Anh Thư     |
| 9   | Đóng góp ý kiến của các cổ đông về các báo cáo và giải đáp tại đại hội.   | 10h40 – 10h55 | Ông Nguyễn Văn Thiên |
| 10  | Thông qua Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019.   | 10h55 – 11h00 | Ông Trần Chiến Công  |
| 11  | Thông qua Tờ trình và tiến hành bầu thay thế thành viên ban kiểm soát   | 11h00 – 11h05 | Ông Tạ Trọng Hiệp    |
|     | Giải lao  | 11h05 – 11h20 |                      |

| STT | Nội dung  | Thời gian     | Người thực hiện      |
|-----|---|---------------|----------------------|
| 12  | Thông qua Tờ trình về Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và sử dụng vốn phát hành. | 11h20 – 11h25 | Ông Nguyễn Văn Thiên |
| 13  | Thông qua Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế và các quỹ năm 2020.                 | 11h25 - 11h30 | Ông Nguyễn Văn Thiên |
| 14  | Thông qua Tờ trình Kế hoạch chi trả lương, thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2020.     | 11h30-11h35   | Ông Tạ Trọng Hiệp    |
| 15  | Thông qua tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020                       | 11h35-11h40   | Ông Trần Chiến Công  |
| 16  | Thông qua Báo cáo kết quả kiểm phiếu bầu thay thế thành viên ban kiểm soát                    | 11h40-11h45   | Ông Mai Song Hào     |
| 17  | Thông qua Biên bản đại hội  | 11h45-11h50   | Bà Lê Ngọc Lan Thảo  |
| 18  | Thông qua Nghị quyết đại hội  | 11h50-11h55   | Ông Nguyễn Văn Thiên |
| 19  | Bế mạc Đại hội  | 11h55-12h00   | Ban tổ chức          |

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**



*Trương Văn Nghĩa*  
Trưởng Phòng Nhân Sự Quản Trị



Thủ Dầu Một, ngày 3 tháng 3 năm 2020

**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

**I/ Mục đích:**

Nhằm đảm bảo kết luận một cách chính xác các vấn đề được nêu ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

**II/ Nguyên tắc biểu quyết:**

1. Chính xác, đúng pháp luật, đúng điều lệ.
2. Số phiếu biểu quyết được tính theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu.
3. Kết quả biểu quyết được tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

**III/ Cách tiến hành:**

1. Những cổ đông được đăng ký tại Sổ Cổ đông của Công ty vào thời điểm Đại hội được quyền tham gia biểu quyết.
2. Mỗi đại biểu tham dự ĐHĐCĐ có quyền biểu quyết được phát một Phiếu biểu quyết. Trên Phiếu biểu quyết có ghi các thông tin: Tên cổ đông, Địa chỉ cổ đông và số lượng cổ phần biểu quyết.
3. Đối với mỗi vấn đề cần biểu quyết, Chủ tọa đoàn sẽ lấy ý kiến cổ đông bằng cách cầm Phiếu biểu quyết đưa lên cao theo các tình trạng sau: Đồng ý, Không đồng ý, Không ý kiến.

**IV/ Kết quả biểu quyết:**

1. Kết quả biểu quyết tính theo phần trăm (%) số cổ phần nắm giữ trên vốn điều lệ.
2. Các vấn đề đưa ra biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 được thông qua phù hợp theo Điều lệ và Luật Doanh nghiệp 2014.

**V/ Hiệu lực:**

Cách thức biểu quyết nêu trên có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*Nguyễn Văn Thiên*

Số: 07 /BC - HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 2 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT  
VỀ QUẢN TRỊ & KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019  
VÀ  
KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ & ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY NĂM 2020**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Nước-Môi trường Bình Dương được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 22/09/2016;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty được thông qua ngày 15/03/2019;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước –Môi trường Bình Dương;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước –Môi trường Bình Dương được Đại hội cổ đông thành lập bầu chọn vào ngày 22/09/2016, gồm 7 thành viên. Sau đây, thay mặt HĐQT, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên - năm 2020 về công tác quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2019 cũng như kế hoạch quản trị và định hướng phát triển công ty năm 2020 như sau:

**I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY**

1. Tên Công ty Đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC –MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
2. Tên viết tắt: **BIWASE**
3. Mã chứng khoán: **BWE**
4. Địa chỉ trụ sở chính: số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
5. Điện thoại:+84- 274- 3825172      Fax: +84-274-3 827738

6. Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch; thu gom, xử lý nước thải, rác thải; kinh doanh các dịch vụ ngành nước và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
7. Vốn điều lệ: 1.500 tỷ đồng, số lượng cổ phần là 150 triệu cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

*Trong đó:*

- Vốn nhà nước: 375 tỷ đồng, chiếm tỉ lệ 25% vốn điều lệ.
- Vốn tư nhân: 1.125 tỷ đồng, chiếm tỉ lệ 75% vốn điều lệ.

8. Cơ cấu tổ chức, điều hành doanh nghiệp: Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương hoạt động theo Điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty. Tổ chức cơ cấu bộ máy điều hành gọn, nhẹ, chất lượng và hiệu quả, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

## II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

### 1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty cổ phần Nước-Môi trường Bình Dương gồm 07 (bảy) thành viên như sau:

| STT | Họ và tên          | Chức vụ                 | Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết  |
|-----|--------------------|-------------------------|--|
| 1   | Nguyễn Văn Thiện   | Chủ tịch HDQT           | Sở hữu cá nhân: 4.118.340 CP (2,74%)   |
| 2   | Trần Chiến Công    | Thành viên HDQT         | Sở hữu cá nhân: 215.989 CP (0,14%)<br>Đại diện cho Tổng công ty BECAMEX: 37.500.000 CP (25%) |
| 3   | Dương Hoàng Sơn    | Thành viên HDQT         | Sở hữu cá nhân: 21.100CP (0,01%)   |
| 4   | Nguyễn Thị Thu Vân | Thành viên HDQT độc lập | Sở hữu cá nhân: 61.500CP (0,04%)   |
| 5   | Nguyễn Văn Trí     | Thành viên HDQT         | Sở hữu cá nhân: 1.500.000 CP (1%)  |
| 6   | Nguyễn Thanh Phong | Thành viên HDQT độc lập | Sở hữu cá nhân: 1.490.000 CP (0,99%)   |
| 7   | Tạ Trọng Hiệp      | Thành viên HDQT độc lập | Sở hữu cá nhân: 0 CP   |

(Số lượng cổ phiếu căn cứ vào danh sách cổ đông chốt đến ngày 31/12/2019)

## 2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

### a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã thực hiện 12 (mười hai) cuộc họp HĐQT. Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia của Ban kiểm soát và đại diện Ban Giám đốc Công ty. Báo cáo ghi nhận sự tham gia của các thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT trong năm 2019 như sau:

| TT | Họ tên thành viên HĐQT | Chức vụ                 | Số buổi họp | Tỷ lệ tham dự | Ghi chú                                   |
|----|------------------------|-------------------------|-------------|---------------|---|
| 1  | Nguyễn Văn Thiện       | Chủ tịch HĐQT           | 12/12       | 100%          |   |
| 2  | Trần Chiến Công        | Thành viên HĐQT         | 12/12       | 100%          |   |
| 3  | Dương Hoàng Sơn        | Thành viên HĐQT         | 12/12       | 100%          |   |
| 4  | Nguyễn Thị Thu Vân     | Thành viên HĐQT độc lập | 12/12       | 100%          |   |
| 5  | Nguyễn Thanh Phong     | Thành viên HĐQT độc lập | 11/12       | 91,6%         | Vắng do bận công tác, cử đại diện dự thay |
| 6  | Nguyễn Văn Trí         | Thành viên HĐQT         | 12/12       | 100%          |   |
| 7  | Tạ Trọng Hiệp          | Thành viên HĐQT độc lập | 12/12       | 100%          |   |

### b. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, trong các cuộc họp, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết về những vấn đề chính sau:

| STT | Số và ký hiệu | Ngày ký    | Nội dung  |
|-----|---------------|------------|---|
| 1.  | 01/BB-HĐQT    | 14/01/2019 | V/v thành lập Chi nhánh Nước thải Tân Uyên trực thuộc Công ty CP Nước-Môi trường Bình Dương   |
| 2.  | 02/BB-HĐQT    | 28/01/2019 | V/v thành lập các chi nhánh Nước thải: Chi nhánh NT Dĩ An, Thủ Dầu Một, Thuận An-trực thuộc Công ty CP Nước-Môi trường Bình Dương   |
| 3.  | 03/BB-HĐQT    | 28/01/2019 | V/v thành lập các Chi nhánh cấp nước: Chi nhánh CN Dĩ An, Thủ Dầu Một, Thuận An, Khu Liên Hợp, Tân Uyên, Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Phước Vĩnh-trực thuộc Công ty CP Nước-Môi trường Bình Dương |

|     |            |            |  |
|-----|------------|------------|--|
| 4.  | 04/BB-HĐQT | 28/01/2019 | V/v thành lập các Chi nhánh: Chi nhánh Dịch vụ Đô thị, Xây lắp-Công nghệ Cơ điện BIWASE, Tư vấn Cấp Thoát Nước trực thuộc Công ty CP Nước- Môi trường Bình Dương.                    |
| 5.  | 10/NQ-HĐQT | 15/03/2019 | Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - năm 2019   |
| 6.  | 15/NQ-HĐQT | 12/06/2019 | V/v thống nhất Kết quả hoạt động kinh doanh 5 tháng đầu năm; Phương hướng hoạt động 7 tháng tiếp theo;   |
| 7.  | 16/NQ-HĐQT | 14/06/2019 | V/v đầu tư mua cổ phần của Công ty CP cấp Thoát Nước Bình Phước theo Thông báo bán đấu giá cổ phần theo lô của Công ty CP cấp Thoát Nước Bình Phước do UBND tỉnh Bình Phước nắm giữ. |
| 8.  | 23/BB-HĐQT | 17/10/2019 | Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2019   |
| 9.  | 24/NQ-HĐQT | 17/10/2019 | V/v Thống nhất Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2019 và các công việc cần thực hiện   |
| 10. | 25/BB-HĐQT | 11/11/2019 | V/v Xin chủ trương đầu tư mở rộng nâng công suất NMN Phước Vĩnh và Dầu Tiếng (mua đất).  |
| 11. | 26/BB-HĐQT | 02/12/2019 | V/v thống nhất chủ trương mở rộng NMN Dầu Tiếng-thị trấn Dầu Tiếng-tỉnh Bình Dương.  |

### c. Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị

– Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty.

– Chủ tịch HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt trong việc thực thi các nội dung Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2019 đề ra, các mục tiêu sản xuất kinh doanh luôn được kiểm soát hàng tháng, quý cũng như kịp thời đôn đốc, nhắc nhở Ban Giám đốc công ty thực hiện có trọng tâm, trọng điểm các dự án đầu tư có tính chiến lược như dự án thu gom xử lý nước thải, nâng công suất nhà máy nước Tân Hiệp, mở rộng Khu liên hợp xử lý chất thải Bình Dương ... Trong năm, HĐQT đã chỉ đạo đẩy mạnh việc đầu tư mở rộng nhà máy nước, tổng công suất tăng thêm 150.000m<sup>3</sup>/ng.đêm và mạng lưới phân phối ống; đầu tư dây chuyền xử lý rác thành phân hữu cơ, CS 840 tấn/ngày và lò đốt rác CS 200 tấn/ngày; mở rộng được thị trường phân bón Con Voi Bình Dương đến các tỉnh miền Đông Nam Bộ, miền Trung và các tỉnh miền Tây. Về lĩnh vực thu gom, xử lý nước thải cũng đạt mức tăng trưởng kế hoạch là 23%/năm, đây là những kết quả rất đáng tự hào của HĐQT nói riêng và Công ty nói chung.

– Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Giám đốc, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban Giám đốc và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

– Trong năm 2019, HĐQT đã ban hành các văn bản về những vấn đề nhân sự, điều hành Công ty, thông qua hồ sơ đăng ký phát hành, chuẩn bị nguồn vốn đầu tư

thực hiện các dự án, định hướng về chiến lược phát triển kế hoạch SXKD và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT;

- Đã ký các Quyết định thành lập chi nhánh trực thuộc (thay cho các nhà máy, xí nghiệp trước đây) nhằm tăng cường năng lực hoạt động cũng như tạo sự chủ động trong công việc;

- Thực hiện ký kết Biên bản thỏa thuận hợp tác toàn diện với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) (tháng 08/2019) nhằm đảm bảo nguồn tài chính thực hiện các dự án hiện tại và trong tương lai. Trong năm, Công ty cũng đã ký Biên bản ghi nhớ với tập đoàn TSK Hàn Quốc (tháng 11/2019) nhằm thiết lập mối quan hệ hợp tác đa phương, tìm hiểu các cơ hội kinh doanh liên quan đến lĩnh vực môi trường;

- Thực hiện hoàn chỉnh các thủ tục cần thiết để thoái vốn sở hữu Nhà nước theo chủ trương của UBND tỉnh tại Công ty BIWASE từ 41% xuống còn 25% vốn điều lệ (tháng 03/2019);

- Đã phối hợp với các Sở ban ngành tham mưu trình UBND tỉnh ra Quyết định thành lập Ban quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương và kiện toàn bộ máy nhân sự hiệu quả của Ban này, trong đó, nhân sự chủ chốt là cán bộ chuyên nghiệp của Công ty;

- Kiểm tra chặt chẽ công tác quản lý điều hành cũng như việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc tuân thủ công bố thông tin theo quy định.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty. Nâng cao chất lượng của công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, kiểm tra việc thực thi công việc theo sự phân công nhiệm vụ hoặc phân cấp từ HĐQT.

- Hầu hết các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát của công ty cũng đã tham gia khóa đào tạo Chuyên sâu về UBKT và Chứng nhận thành viên HĐQT do VIOD tổ chức nhằm nâng cao kiến thức, năng lực quản lý, điều hành công ty theo các quy định mới và phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Tháng 06/2019, BIWASE đã được tạp chí Forbes bình chọn vào top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam. Tháng 11/2019, BIWASE đã được Hội đồng tư vấn kinh doanh ASEAN trao tặng giải thưởng “Doanh nghiệp xã hội bền vững khu vực ASEAN-2019” về những đóng góp cho xã hội, lễ trao giải tổ chức tại Thái Lan.

#### **d. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc**

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động, Tổng Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và nghị quyết của HĐQT công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên chỉ đạo và theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

+ Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 đề ra và việc thực hiện các Quyết định của HĐQT đã ban hành về hoạt động của Công ty.

+ Qua các cuộc họp của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh tính đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng hoạt động điều hành trong thời gian tới để HĐQT xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có chỉ đạo kịp thời; Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của doanh nghiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho mọi hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

+ Thông qua nội dung kiểm tra, đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty.

+ Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

+ Thường xuyên đôn đốc nhắc nhở Ban Giám đốc kiểm tra giám sát các dự án mà công ty đang triển khai xây dựng nhằm đưa vào sử dụng đúng tiến độ, phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

Ngoài ra, HĐQT quan tâm chỉ đạo và giám sát sâu sát đến các hoạt động như:

+ Tăng cường công tác phát triển khách hàng ở tất cả các lĩnh vực: cấp nước, rác thải và nước thải.

+ Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao năng lực, bổ sung kỹ năng làm việc, tay nghề chuyên môn cho CB CNV toàn Công ty, góp phần nâng cao hiệu suất lao động trong công ty, giảm giá thành sản phẩm.

+ Quản lý các khoản công nợ và chi phí hợp lý.

+ Đầu tư nâng cao trình độ khoa học công nghệ áp dụng tại đơn vị.

+ Giải pháp nâng cao năng suất lao động và nâng cao hiệu quả SXKD.

+ Chú trọng công tác gìn giữ và nâng cao uy tín, hình ảnh, thương hiệu của công ty.

### **3. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

Thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua ngày 15/03/2019, HĐQT luôn theo sát và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện đạt nhiều nội dung kế hoạch đề ra. Hoạt động của Ban Giám đốc được đánh giá mỗi 2 tháng 1 lần và theo định kỳ từng quý. Kết quả SXKD năm 2019 đạt các chỉ tiêu đề ra tại ĐHCĐ thường niên 2019, cụ thể như sau:

+ Tổng doanh thu đạt: **2.631** tỷ đồng, đạt 106% so với Nghị quyết năm 2019 (2.471 tỷ đồng), đạt 117% so với năm 2018 (2.247 tỷ đồng).

+ Lợi nhuận sau thuế trong năm đạt: **465** tỷ đồng.

+ Thất thoát nước trong năm 2019: **5,54** %/năm, giảm 0,21% so với năm 2018 (5,75%).

+ Các chỉ tiêu kinh tế đạt và vượt Nghị quyết năm 2019.

+ Cổ tức và các quỹ đều được chi đúng theo Nghị Quyết năm 2019 và được sử dụng đúng quy định, ổn định.

Nhìn chung, Ban Giám đốc đã hoàn thành những mục tiêu quan trọng như: phát triển hệ thống cấp nước ra vùng ven, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện đúng tiến độ và phát huy hiệu quả ngay khi đưa vào sử dụng..., triển khai thực hiện hóa đơn điện tử, và quan trọng hơn hết kết quả

kinh doanh năm 2019 các chỉ tiêu chính đều đạt và vượt so với tinh thần và Nghị quyết đại hội Cổ đông thường niên 2019.

#### **4. Về công tác quản trị tài chính**

Công tác quản trị tài chính luôn được HĐQT chú trọng. Công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong XDCB thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch, tiết kiệm, đảm bảo theo qui định của pháp luật và doanh nghiệp niêm yết trên sàn.

### **III. KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY CỦA HĐQT NĂM 2020**

Với những kết quả đạt được của năm 2019, HĐQT tiếp tục phát huy vai trò quản trị trong năm 2020 qua việc thực hiện các giải pháp trong điều hành sản xuất, kinh doanh, phấn đấu hoàn thành hoặc vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020. Tiếp tục thực hiện tốt kế hoạch cấp nước an toàn, an toàn môi trường, giảm thất thoát nước. Các giải pháp cần tập trung chỉ đạo thực hiện như sau:

#### **1. Về điều hành quản lý sản xuất**

- 1.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo, quản lý của HĐQT, trách nhiệm điều hành của Ban Giám đốc Công ty và của lãnh đạo các Chi nhánh, đơn vị trực thuộc ;
- 1.2. Nghiên cứu, tìm kiếm thị trường cho sản phẩm tái chế; tìm tòi các giải pháp, công nghệ mới, hiện đại để ứng dụng trong hoạt động SXKD, tăng cường khả năng xử lý nước, nước thải, rác thải nhằm đem lại hiệu quả cao cho công ty;
- 1.3. Nghiên cứu các giải pháp kinh doanh, tăng năng lực, chất lượng dịch vụ để tăng cường công tác phát triển khách hàng;
- 1.4. Nghiên cứu giải pháp tài chính nguồn vốn để Công ty hoạt động hiệu quả và đầu tư ra bên ngoài với những dự án tiềm năng;
- 1.5. Tiếp tục đào tạo cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Công ty theo các chương trình đào tạo do VIOD tổ chức để hoàn thiện kiến thức quản trị như các nước tiên tiến và theo chuẩn quốc tế;



- Tăng cường công tác nhân sự, làm tốt công tác dịch vụ khách hàng, bán hàng để đáp lại sự tin yêu của khách hàng;
  - Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc phục vụ để khách hàng luôn đạt sự hài lòng về chất lượng dịch vụ, đảm bảo tính an toàn, chất lượng của sản phẩm cung cấp, đảm bảo vấn đề môi trường để Bình Dương luôn tự hào về hạ tầng kỹ thuật của tỉnh nhằm mạnh dạn mời gọi, thu hút đầu tư nhiều hơn nữa;
- 1.6. Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, mục tiêu đề ra:
- + Doanh thu dự kiến đạt 3.150 tỷ đồng (tăng  $\approx 10\%$  so với năm 2019)
  - + Lợi nhuận sau thuế tối thiểu đạt 470 tỷ đồng.

+ Cổ tức mong đợi đạt 12%/vốn điều lệ.

## **2. Về dịch vụ cấp nước**

- 2.1 Tổ chức triển khai đầu tư mở rộng các nhà máy nước đảm bảo cấp đủ nước trong mọi tình huống trong chiến lược ngắn hạn cũng như dài hạn;
- 2.2 Tiếp tục hoàn thiện ứng dụng thu tiền nước qua ngân hàng và các điểm thu hộ, dự kiến đến cuối năm 2020, tỷ lệ thu này đạt khoảng 70%.

## **3. Về dịch vụ xử lý chất thải**

- 3.1 Một số nội dung cụ thể như Tổng Giám đốc đã trình bày và xa hơn nữa là nghiên cứu đầu tư mở rộng thị trường ở những nơi có tính chiến lược;
- 3.2 Nghiên cứu tìm giải pháp đầu ra cho sản phẩm tái chế, nhất là phân bón Con Voi (không tiêu thụ được thì không thể tiếp tục tái chế được). Sản phẩm đầu vào phải có hiệu quả, bảo đảm cân đối nguồn thu-chi và có tích lũy để tạo vốn đầu tư chiều rộng lẫn chiều sâu với sản phẩm này.

## **4. Về dịch vụ thu gom, xử lý nước thải**

- 4.1 Tiếp tục triển khai, tăng cường công tác đấu nối khách hàng đối với nước thải.
- 4.2 Hoàn thiện đơn giá xử lý nước thải để được phê duyệt và áp dụng đơn giá mới.
- 4.3 Tăng cường công tác quản lý tài sản, duy tu để hoạt động hiệu quả, góp phần bảo vệ môi trường nước

## **5. Về công tác chống thất thoát nước, quản lý kỹ thuật vật tư, thiết kế mạng lưới**

- 5.1 Tiếp tục nâng cao công tác chống thất thoát nước bằng các giải pháp, công nghệ tiên tiến;
- 5.2 Duy trì tỷ lệ thất thoát nước ở mức hiện tại hoặc thấp hơn;
- 5.3 Quản lý tốt chất lượng vật tư đưa vào sử dụng và quản lý thiết kế, thi công chặt chẽ để không phát sinh thất thoát thêm.

## 6. Về công tác quản lý tài sản

- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý tài sản, nhất là tài sản chìm dưới đất tổ chức quản lý tài sản thuộc hệ thống thu gom xử lý nước thải và mạng lưới cấp nước;

## 7. Về tổ chức bộ máy

- 7.1 Kiện toàn bộ máy quản lý, điều hành; nâng cao năng lực lãnh đạo và chuyên môn cho cán bộ lãnh đạo thông qua việc bồi dưỡng, khóa đào tạo tại công ty và ngoài công ty;
- 7.2 Chú trọng công tác bồi dưỡng nhân sự, đào tạo, huấn luyện, nâng cao tay nghề cho CB CNV Công ty; nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập cho CB CNV;
- 7.3 Chuẩn bị đội ngũ kế thừa có năng lực để có thể đảm nhận công việc khi cần thiết, đảm bảo hoạt động của công ty được ổn định xuyên suốt.

## 8. Về triển khai thực hiện các dự án

- 8.1 Thực hiện đúng/vượt tiến độ các dự án Công ty làm Chủ đầu tư;
- 8.2 Tiếp tục triển khai công việc theo nội dung hợp tác với tập đoàn TSK;
- 8.3 Có chiến lược huy động các nguồn vốn phù hợp như: vốn ODA ít điều kiện của ADB (không qua bảo lãnh của Chính phủ), ngân hàng Thế Giới (WB), Công ty tài chính Quốc tế (IFC), Quỹ Đầu tư-Phát triển, Quỹ Bảo vệ Môi trường, các ngân hàng có lãi suất cho vay thấp và trong CBCNV, cổ đông hiện hữu của Công ty để thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh về cấp nước, rác thải và đầu tư tài chính.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2019 cũng như Kế hoạch quản trị và định hướng phát triển công ty năm 2020 của Công ty Cổ phần Nước –Môi trường Bình Dương, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, đóng góp ý kiến.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Cty;
- HĐQT Cty;
- Ban Giám đốc Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Lưu VT.



Nguyễn Văn Thiên

Thủ Dầu Một, ngày 3 tháng 3 năm 2020

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 & PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2020

**Kính gửi:** ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

### I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

#### 1. TỔNG QUAN

Tiếp tục thực hiện theo chỉ đạo của thủ tướng chính phủ về công tác cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, qua 2 lần thực hiện thoái vốn nhà nước, đến nay tỷ lệ vốn nhà nước tham gia tại BIWASE là 25% vốn điều lệ.

Cùng với tình hình phát triển chung của thế giới năm 2019, tình hình kinh tế vĩ mô của nước ta cơ bản giữ được ổn định và có mức tăng trưởng tốt. Trong đó Bình Dương đang có tốc độ phát triển nhanh và sức hút tốt đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt tại khu trung tâm hành chính của tỉnh, huyện mới Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên và huyện Chơn Thành – tỉnh Bình Phước theo đó nhu cầu về các dịch vụ cấp, thoát nước, xử lý rác thải cũng tăng theo. Do vậy, trong năm 2019 một số nhà máy nước của BIWASE đã phải chạy vượt công suất như Tân Hiệp, Tân Uyên, Uyên Hưng, Dĩ An và Chơn Thành. Với sức mạnh đoàn kết, thống nhất, lãnh đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và với nỗ lực của tập thể CBCNV đã phấn đấu hoàn thành vượt kế hoạch được giao năm 2019.

#### 2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

| S<br>T<br>T | Nội dung                | ĐVT            | Thực hiện<br>năm 2019 | Thực hiện<br>năm 2018 | So với<br>TH 2018<br>(%) | Kế hoạch<br>2019 | So với<br>KH 2019<br>(%) |
|-------------|-------------------------|----------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------|------------------|--------------------------|
| 1           | Sản lượng nước tiêu thụ | m <sup>3</sup> | 155.131.627           | 131.661.233           | 118%                     | 152.680.000      | 102%                     |
| 2           | Đầu nối cấp nước        | Khách<br>hàng  | 30.254                | 31.398                | 96%                      | 34.150           | 89%                      |
| 3           | Tỷ lệ thất thoát nước   | %              | 5,54                  | 5,75                  | -0,21%                   | 5,75             | -0,21%                   |
| 4           | Tổng doanh thu          | Tỷ<br>đồng     | 2.631                 | 2.247                 | 117%                     | 2.471            | 106%                     |
| 5           | Tổng chi phí            | Tỷ<br>đồng     | 2.103                 | 1.896                 | 111%                     | 2.085            | 101%                     |

|   |                           |         |     |     |      |     |      |
|---|---------------------------|---------|-----|-----|------|-----|------|
| 6 | Tổng lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 528 | 351 | 150% | 386 | 136% |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế        | Tỷ đồng | 465 | 313 | 149% |     |      |
| 8 | Nộp ngân sách nhà nước    | Tỷ đồng | 117 | 108 | 108% |     |      |

## 2.1. Sản xuất kinh doanh nước sạch:

- Doanh thu sản xuất nước của 9 chi nhánh cấp nước: **1.637** tỷ đồng. Đạt 101% kế hoạch năm 2019 (1.627 tỷ đồng). Đạt 119% so với năm 2018(1.381 tỷ đồng)
- Sản lượng nước tiêu thụ: **155.131.627m<sup>3</sup>**, đạt 101% kế hoạch năm 2019 (152.680.000 m<sup>3</sup>) và đạt 108% so với kế hoạch năm 2018 (144.126.000m<sup>3</sup>).
- Thất thoát nước trong năm 2019: **5,54%/năm**, giảm 0,21% so với năm 2018 (5,75%).
- Điện năng tiêu thụ bình quân cho 1 m<sup>3</sup> nước sản xuất là: 0,36w/m<sup>3</sup>.
- Số lượng đầu nối khách hàng cấp nước tăng trong năm 2019: **30.254** đầu nối, đạt 89 % kế hoạch được giao 34.150 đầu nối và lũy kế tính đến ngày 31/12/2019 đã có 275.376 đầu nối khách hàng, cụ thể thay đổi tại các Xí nghiệp, nhà máy như:

| ST T | CHI NHÁNH CẤP NƯỚC | KHÁCH HÀNG tăng thêm trong năm 2019 và lũy lệ đến 31/12/2019 |      |               |          |               |                          |
|------|--------------------|--|------|---------------|----------|---------------|--------------------------|
|      |                    | Kinh doanh, dịch vụ  | HCSN | Sản xuất      | Dân dụng | TỔNG CỘNG     | KH LŨY KẾ ĐẾN 31/12/2019 |
| 1    | THỦ DẦU MỘT        | 40   | 10   | 27            | 5.708    | 5.785         | 58.695                   |
| 2    | DĨ AN              | 85   | 11   | 34            | 9.059    | 9.189         | 104.725                  |
| 3    | KHU LIÊN HỢP       | 25   | 18   | 1.047         | 5.372    | 6.462         | 43.702                   |
| 4    | TÂN UYÊN           | 7  | 2    | 86            | 1.209    | 1.304         | 10.751                   |
| 5    | DẦU TIẾNG          | 1  | 1    | 1             | 220      | 223           | 4.750                    |
| 6    | PHƯỚC VĨNH         | -2   | 2    | 0             | 114      | 114           | 3.170                    |
| 7    | BÀU BÀNG           | -1   | 4    | 1.056         | 1.794    | 2.853         | 7.249                    |
| 8    | XNCN THUẬN AN      | 105  | 4    | -6            | 3.181    | 3.284         | 38.504                   |
| 9    | CN CHƠN THÀNH      | 7  | 12   | 40            | 981      | 1.040         | 3.830                    |
|      | <b>TỔNG</b>        | 267  | 64   | 2.285         | 27.638   | <b>30.254</b> | <b>275.376</b>           |
|      |                    |  |      | <b>30.254</b> |          |               |                          |

Tính đến cuối năm 2019 công ty đang quản lý và khai thác tổng cộng khoảng 4.276 km đường ống cấp nước các loại từ D60 – D1400, trong đó tăng thêm trong năm 2019 đạt 276km, cụ thể như sau:

| STT              | Tên nhà máy       | Tăng trong năm 2019 (m) | Lũy kế đến 31/12/2019 (m) |
|------------------|-------------------|-------------------------|---------------------------|
| 1                | CNCN Khu Liên Hợp | 45.713                  | 856.953                   |
| 2                | CNCN Dĩ An        | 27.605                  | 1.048.012                 |
| 3                | CNCN Thủ Dầu Một  | 66.296                  | 1.556.849                 |
| 4                | CNCN Tân Uyên     | 28.191                  | 237.121                   |
| 7                | CNCN Thuận An     | 30.465                  | 162.511                   |
| 8                | CNCN Chơn Thành   | 31.569                  | 182.461                   |
| 9                | CNCN Bàu Bàng     | 40.075                  | 120.703                   |
| 10               | CNCN Phước Vĩnh   | 4.130                   | 56.705                    |
| 11               | CNCN Dầu Tiếng    | 2.542                   | 55.247                    |
| <b>Tổng cộng</b> |                   | <b>276.586</b>          | <b>4.276.562</b>          |

## 2.2 Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác:

- Doanh thu năm 2019 của Chi nhánh xử lý chất thải: **647** tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch được giao năm 2019 (680 tỷ đồng), đạt 104% so với thực hiện năm 2018 (623 tỷ đồng).
- Tổng khối lượng rác tiếp nhận trong năm 2019 là 840.487 tấn và 279.113 m<sup>3</sup> nước rỉ rác, trung bình tiếp nhận và xử lý khoảng: **2.302 tấn/ngày** và 765 m<sup>3</sup>/ngày nước rỉ rác với thành phần và tỷ lệ như sau:

| STT              | Thành phần                           | Khối lượng (tấn)  | Chiếm tỷ lệ (%) |
|------------------|--------------------------------------|-------------------|-----------------|
| 1                | Rác thải sinh hoạt                   | 727.663,15        | 86,6            |
| 2                | Chất thải công nghiệp không nguy hại | 70.602,32         | 8,4             |
| 3                | Chất thải công nghiệp nguy hại       | 21.032,51         | 2,5             |
| 4                | Bùn thải và chất thải y tế           | 21.189,39         | 2,5             |
| <b>Tổng cộng</b> |                                      | <b>840.487,37</b> | <b>100</b>      |

- Tổng số khách hàng của Chi nhánh xử lý chất thải hiện nay là: **2.499** khách hàng. Trong đó phát triển trong năm 2019 là 194 khách hàng (Lũy kế đến 31/12/2018 là 2.305 khách hàng)

## 2.3 Công tác thu gom, xử lý nước thải:

- Doanh thu năm 2019 của 4 chi nhánh thuộc lĩnh vực xử lý nước thải: **83,4** tỷ đồng, đạt 123% kế hoạch được giao 2019 (67,9 tỷ đồng).
- Đến nay, tổng lượng nước thải được thu gom, xử lý tại các chi nhánh: 10.797.620 m<sup>3</sup> với chất lượng nước thải sau xử lý ổn định, đạt loại A, QCVN 14:2008/BTNMT. Tổng số lượng hộ đầu nối nước thải đến nay đạt 10.431 hộ. Chi tiết tại phụ lục đính kèm

## 2.4 Công tác tổ chức, nhân sự:

Đến cuối năm 2019, công ty có tổng số CBCNV là 1.135 người. Trình độ CBCNV công ty như sau:

| STT | Trình độ                | Số lượng<br>(người) | Chiếm tỷ lệ<br>(%) |
|-----|-------------------------|---------------------|--------------------|
| 1   | Đại học và Trên Đại học | 225                 | 20                 |
| 2   | Cao đẳng                | 77                  | 7                  |
| 3   | Trung học               | 185                 | 16                 |
| 4   | Công nhân kỹ thuật      | 575                 | 51                 |
| 5   | Khác                    | 73                  | 6                  |
| 6   | <b>Tổng cộng</b>        | 1.135               | 100                |

- Trong năm 2019: tăng 25 người so với năm 2018 (1.110 người).
- Trong kỳ, thực hiện chuyển 12 nhân sự sang Ban quản lý chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương được thành lập theo quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 13/2/2019 của UBND tỉnh Bình Dương.
- Đến nay công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:
  - + **17 Chi nhánh** trực thuộc gồm: **9 Chi nhánh Cấp nước**: Dĩ An, Thủ Dầu Một, Khu Liên Hợp, Tân Uyên, Thuận An, Bàu Bàng, Chơn Thành – Tỉnh Bình Phước, Dầu Tiếng, Phước Vĩnh, **1 Chi nhánh Xử lý chất thải**, **4 Chi nhánh xử lý nước thải**: Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An, Tân Uyên; **1 Chi nhánh tư vấn Cấp thoát nước**, **1 Chi nhánh dịch vụ đô thị** và **1 Chi nhánh Xây lắp Công nghệ Cơ Điện BIWASE**.
  - + **4 phòng** nghiệp vụ: Nhân sự quản trị, Tài chính kế toán, Kế hoạch - Vật tư, Chống Thất Thoát.
  - + **2 Trung tâm**: Dạy nghề và nâng cao nguồn nhân lực BIWASE và trung tâm quản lý chất lượng nước.

## 2.5 CÔNG TÁC NGHIỆP VỤ & QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

- Đến ngày 17/3/2019 hoàn tất việc thoái vốn nhà nước lần 2, giảm tỷ lệ vốn nhà nước 16% vốn điều lệ, tương đương 24 triệu cổ phần tại công ty BIWASE theo chủ trương số 3421/UBND – KTTH ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh Bình Dương với giá chuyển nhượng cổ phần bình quân khoảng 24.398 đồng/cp, tương đương giá trị vốn nhà nước thu về lần này trên 585 tỷ đồng và tổng thu về từ các đợt là 967,5 tỷ đồng. Hiện tại, vốn nhà nước tại BIWASE chiếm 25% vốn điều lệ.
- Đã hoàn thành hồ sơ và chính thức bàn giao tài sản thuộc lĩnh vực thoát nước hiện công ty đang giữ hộ cho Ban quản lý chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương thành lập theo quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 13/2/2019 của UBND tỉnh Bình Dương.
- Từ nguồn vốn giảm thất thoát nước, thực hiện đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng, triển khai thi công tuyến ống cấp nước đến các vùng nông thôn, vùng ven các thị trấn để người dân được hưởng lợi ích từ nguồn nước sạch của công ty ngày càng nhiều và đáp ứng tiêu chí về tỷ lệ cấp nước sạch nông thôn.
- Về chống thất thoát, thất thu kết quả phần khởi (5,54%) nhưng cần tiếp tục được duy trì ở mức thất thoát thấp, đầu tư thêm nhiều thiết bị có giá trị nhằm ổn định áp lực trong mạng lưới, phát hiện xử lý một số lỗi bất hợp lý trên mạng.
- Công tác cung cấp nước sạch và thu gom, xử lý rác thải ngày càng mở rộng phạm vi dịch vụ, lượng rác sinh hoạt thu gom và xử lý ngày càng tăng cao, công nghệ được sử

dụng tiên tiến và xử lý triệt để, tối đa tận dụng những nguồn lực, tài nguyên hiện có để tạo ra những sản phẩm có ích cho xã hội.

- Công tác quản trị doanh nghiệp, đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo am hiểu thêm phương pháp quản trị doanh nghiệp theo xu hướng của các nước phát triển, đáp ứng tốt nhu cầu đối với công ty niêm yết và là công ty đại chúng có quy mô lớn. Nguồn nhân lực BIWASE ngày càng ổn định vững vàng, thực hiện công việc ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả.

## 2.6 XÂY DỰNG CƠ BẢN

- Trong kỳ, tổng giá trị đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước từ vốn đầu tư phát triển của công ty đến ngày 31/12/2019 đạt 81,30 tỷ đồng, các công trình tập trung đầu tư chủ yếu ở các chi nhánh như: Chi nhánh cấp nước Bàu Bàng, cấp nước Thuận An, Khu Liên Hợp, Dĩ An... Một số công trình điển hình như: tuyến ống cấp nước D300- 200 đường N4 – Bàu Bàng, tuyến ống cấp nước Đại lộ Bình Dương từ đường D5 đến ngã 3 Chiến Thắng – Bàu Bàng, D100 đường DT 741 B đoạn từ ngã 3 Bồ Lá đến NTCS Tân Hưng...
- Công trình Xây dựng nhà máy nước Tân Hiệp mở rộng, công suất 100.000m<sup>3</sup>/ngày đêm với tổng giá trị 1.129 tỷ đồng. Hiện nhà thầu đang triển khai thi công thực hiện phần trạm bơm nước thô với giá trị 119 tỷ đồng, dự kiến cuối tháng 2/2020 hoàn thành. Hạng mục tuyến ống nước thô D1500mm, L = 8,8km cũng được thi công thực hiện nhanh chóng, hiện đạt khoảng 90%, dự kiến hoàn thành trong quý 1/2020. Nguồn vốn: Vốn vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương, Ngân hàng VietTinBank và vốn tự có của doanh nghiệp.
- Dự án đầu tư mở rộng nhà máy nước Nam Tân Uyên, công suất tăng thêm 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm với tổng mức đầu tư khoảng 100 tỷ đồng cũng đang được triển khai thi công xây dựng, tiến độ đạt khoảng 40%. Nguồn vốn: vốn tự có và vốn vay.
- Dự án đầu tư mở rộng nhà máy nước Uyên Hưng, công suất tăng thêm 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm với tổng mức đầu tư khoảng 70 tỷ đồng đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, đã triển khai thi công xây dựng vào tháng 3/2020. Nguồn vốn: vốn tự có và vốn vay.
- Dự án đầu tư nâng công suất xử lý rác sinh hoạt thành phân compost, công suất tăng thêm 840 tấn/ngày với giá trị đầu tư khoảng 374 tỷ đồng, Dự án công trình Lò đốt rác, công suất 200 tấn/ngày với giá trị đầu tư khoảng 284 tỷ đồng và bể ủ thu hồi khí kết hợp phát điện số 4B với giá trị đầu tư khoảng 50 tỷ đồng và các hạng mục phụ trợ khác cũng đang được triển khai thực hiện quyết liệt tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương, dự kiến đưa các công trình vào sử dụng chậm nhất vào quý 1/2020. Nguồn vốn: vốn tự có và vốn vay.
- Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tân Long (400 ha) tại xã Tân Long - huyện Phú Giáo: đang hoàn chỉnh các thủ tục chi trả tiền đền bù với tổng kinh phí khoảng 250 tỷ đồng, dự kiến trong năm 2020 sẽ chi trả. Nguồn vốn: vốn tự có và vốn vay.
- Dự án xây dựng khu nhà ở xã hội 12 tầng (An Phú): Đã hoàn tất các hồ sơ pháp lý của dự án, hiện công trình đang trong giai đoạn hoàn thiện, dự kiến đến quý 1/2020 sẽ hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Nguồn vốn: vốn tự có và vốn vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương.

## 2.7 Kết quả đầu tư tài chính tính đến 31/12/2019

| STT              | Nội dung                                      | Giá trị đầu tư tài chính<br>(tỷ đồng) |                       |               | Số cổ phần,<br>chiếm % vốn<br>điều lệ | Tỷ lệ chia cổ<br>tức<br>2019<br>(%) |
|------------------|---|---------------------------------------|-----------------------|---------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
|                  |   | Số đầu<br>kỳ                          | Phát<br>sinh<br>(+/-) | Số cuối<br>kỳ |                                       |                                     |
| 1                | Công ty CP ĐT XD<br>Chánh Phú Hòa             | 141,55                                |                       | 141,55        | 10.650.792cp<br>43,12%                | 19%<br>(1.900 đồng/cp)              |
| 2                | Công ty CP cấp nước<br>Đồng Nai (DNW)         | 273,08                                |                       | 273,08        | 17.700.000cp<br>17,7%                 | 8%<br>(800 đồng/cp)                 |
| 3                | Công ty Cổ phần tái<br>chế vật liệu xanh (3R) | 15,74                                 | 3,04                  | 18,78         | 1.597.432cp<br>95,80%                 |                                     |
| 4                | Tổng Công ty SX và<br>XNK Bình Dương<br>(PRT) | 213,76                                |                       | 213,76        | 12.000.000 cp<br>4,00%                | 1%<br>(100 đồng/cp)                 |
| 5                | Tổng công ty TM<br>XNK Thanh Lễ (TLP)         | 18,38                                 |                       | 18,38         | 1.200.000cp<br>0,51%                  | 3,6%<br>(360 đồng/cp)               |
| <b>Tổng cộng</b> |   | <b>662,51</b>                         | <b>3,04</b>           | <b>665,55</b> |                                       |                                     |

## II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SXKD NĂM 2019

Do các sản phẩm của công ty chủ yếu là các sản phẩm, dịch vụ công ích nên kết quả thực hiện các lĩnh vực hoạt động chuyên ngành mang tính đặc thù, thì ngoài nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính thì quan trọng hơn là những hiệu quả về mặt môi trường, hạ tầng đô thị góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và tạo động lực phát triển cho tỉnh Bình Dương. Một số đánh giá kết quả thực hiện trong năm như sau:

### ❖ Cấp nước:

- Đẩy mạnh đầu tư mở rộng các nhà máy, mạng lưới ống phân phối, truyền tải, phát triển đầu nối khách hàng gia tăng tỷ lệ cung cấp nước sạch đô thị, vùng ven và nông thôn.

- Giá nước sạch được điều chỉnh phù hợp, kịp thời (bắt đầu từ kỳ hóa đơn tháng 1/2019). Doanh thu đạt vượt kế hoạch đề ra (đạt 106%), sản lượng tiêu thụ đạt 101% do trong năm đã tập trung đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng. Tuy nhiên chỉ tiêu phụ về số đầu nối khách hàng trong năm chỉ đạt 89% chỉ tiêu đề ra (34.150 đầu nối).

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch tăng cao, trong năm 2019 một số nhà máy nước của BIWASE đã phải chạy đạt và vượt công suất như Tân Hiệp, Tân Uyên, Uyên Hưng, Dĩ An và Chơn Thành.

- Về chống thất thoát, thất thu kết quả phần khởi nhưng cần duy trì ở mức thất thoát thấp, đầu tư thêm nhiều thiết bị có giá trị nhằm ổn định áp lực trong mạng lưới, phát hiện xử lý một số lỗi bất hợp lý trên mạng.

- Nguồn nhân lực ngày càng ổn định vững vàng, thực hiện công việc ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả, năng suất lao động cao.



- Tình hình biến động giá đất cũng như một số giá nguyên vật liệu đầu vào tăng nhanh trong năm 2019 làm ảnh hưởng phát sinh chi phí lớn và khó khăn cho công ty trong việc thực hiện giải phóng đền bù một số khu đất khi đầu tư mới như mở rộng nhà máy nước Tân Hiệp, khu đất dự kiến mở rộng văn phòng làm việc của BIWASE tại Thành phố mới Bình Dương...

❖ **Rác thải:**

- Giá xử lý rác sinh hoạt được điều chỉnh tăng (bắt đầu từ tháng 10/2017). Công tác thu gom và xử lý rác trong năm có nhiều thuận lợi: lượng rác sinh hoạt thu gom và xử lý ngày càng tăng cao, công nghệ được sử dụng tiên tiến và xử lý triệt để, tối đa tận dụng những nguồn lực, tài nguyên hiện có để tạo ra những sản phẩm có ích cho xã hội, các sản phẩm gạch, phân bón Con Voi đều được khách hàng nhiệt tình đón nhận.

- Mở rộng được thị trường phân bón con voi Bình Dương: ngoài phục vụ cây cao su truyền thống còn phát triển đến thị trường cây ăn trái vùng Đồng Tháp và cây thanh long ở Bình Thuận.

- Công tác thu gom và xử lý rác thải ngày càng mở rộng phạm vi dịch vụ, lượng rác sinh hoạt thu gom và xử lý ngày càng tăng cao, công nghệ được sử dụng tiên tiến và xử lý triệt để, tối đa tận dụng những nguồn lực, tài nguyên hiện có để tạo ra những sản phẩm có ích cho xã hội.

- Việc quy hoạch 400 ha đất Tân Long – huyện Phú Giáo, thay vì được ưu đãi và nhận bàn giao đất sạch theo quy định thì công ty phải vay mượn vốn (khoảng 250 tỷ) để chi trả bồi thường cho Tập đoàn Cao Su Việt Nam - Cty Cao su Phước Hòa.

- Đã hoàn tất các thủ tục thanh toán tại các huyện, thị, thành phố để phân doanh thu ghi nhận về xử lý chất thải được đầy đủ.

❖ **Nước thải:**

- Các hệ thống thu gom, xử lý nước thải mới được đưa vào hoạt động nên trong năm lượng nước thải thu gom đạt khá và có nhiều tiềm năng tăng trưởng khách hàng đầu nổi trong những năm tới.

❖ **Đầu tư:**

- Đầu tư xây dựng cơ bản: Việc tìm kiếm nguồn vốn đầu tư ưu đãi và phù hợp cho các công trình mang tính công ích ngày càng khó khăn. Các ưu đãi về vốn hỗ trợ phát triển tại địa phương cho hình thức công ty cổ phần không còn.

- Đầu tư tài chính: liên quan đến đầu tư tài chính tại một số doanh nghiệp ngoài ngành, cụ thể tại các công ty 3/2, Thành Lễ, 3R vẫn còn một số việc chưa như ý.

- Công trình xây dựng khu nhà ở xã hội 12 tầng với giá trị khoảng 165 tỷ đồng chưa thể thu tiền nộp trước của người mua mà phần lớn còn phải sử dụng vốn của công ty và vốn vay.

❖ **Về chăm lo đời sống người lao động:**

Ban điều hành công ty luôn tạo điều kiện đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho các CBCNV, từ đó đời sống người lao động ngày càng được nâng cao và an tâm công tác. Thu nhập bình quân năm 2019 đạt: 17,55 triệu đồng/người/tháng, tăng 9,7% so với năm 2018 (16 triệu đồng/người/tháng)

### III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

#### 3.1 Kế hoạch, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020

Vượt lên mọi khó khăn, tự cải tiến chính bản thân, từng người lãnh đạo, người quản lý, người công nhân luôn phấn đấu tăng năng suất lao động năm sau cao hơn năm trước, ngày

càng làm hài lòng khách hàng nhiều hơn. Từ đó, một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 công ty đặt ra, cụ thể như sau:

- Doanh thu: 3.150 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 470 tỷ đồng.
- Nước thương phẩm: tăng 10% so với thực hiện năm 2019.
- Rác các loại tiếp nhận và xử lý: tăng 10% so với thực hiện năm 2019.
- Thu gom, xử lý nước thải: 38.750 m<sup>3</sup>/ngày (4 chi nhánh nước thải).
- Khách hàng: tăng đạt 35.000 đầu nối.
- Thất thoát giảm toàn công ty:  $\leq 5,5\%/năm$ .
- Cổ tức mong đợi: 12% vốn điều lệ.
- Đảm bảo thực hiện đúng tiến độ các công trình xây dựng trọng điểm như đã nêu.
- Sửa chữa, tu bổ, mua sắm thiết bị để bảo đảm kế hoạch sản xuất kinh doanh.

### **3.2 Một số giải pháp thực hiện**

#### **1 Lĩnh vực cấp nước:**

- Tiếp tục tổ chức, quản lý thực hiện các dự án và thu xếp nguồn vốn phù hợp, kịp thời phục vụ công tác đầu tư các công trình cấp nước để sớm hoàn thành đưa công trình đưa vào sử dụng, giảm bớt áp lực hiện tại do chạy vượt công suất cấp nước của NMN Tân Hiệp, Dĩ An, Uyên Hưng, Nam Tân Uyên và NMN Chơn Thành.
- Đầu tư mạng lưới ống phân phối, phát triển công tác đầu nối khách hàng nhằm cung cấp nước sạch cho người tiêu dùng, sản xuất ngày càng nhiều hơn.
- Mở rộng mạng lưới cấp nước Chơn Thành - Bình Phước với giá trị dự kiến khoảng 150 tỷ đồng để tăng công suất cấp nước lên gấp đôi. Triển khai đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước tại một số khu vực thiếu nước mùa nắng.
- Chuẩn bị các khu đất phục vụ mở rộng, phát triển sản xuất, kinh doanh của công ty như đất mở rộng nhà máy nước Tân Hiệp, nhà máy nước Hớn Quảng – Bình Phước.
- Ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cải thiện điều kiện lao động, giảm thất thoát nước. Ứng dụng công tác tin học để nâng cao hiệu quả quản lý, dịch vụ khách hàng.
- Tiếp tục và đẩy nhanh triển khai chương trình thu tiền nước qua hệ thống thu hộ, nhờ thu.

#### **2. Lĩnh vực xử lý chất thải:**

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình tại khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương để xử lý hết lượng rác tiếp nhận ngày càng tăng cao của nhà máy xử lý chất thải như hoàn chỉnh dây chuyền xử lý rác thành phân hữu cơ, công suất 840 tấn/ngày và lò đốt rác, công suất 200tấn/ngày.
- Mở rộng được thị trường phân bón con voi Bình Dương: ngoài phục vụ cây cao su truyền thống ở khu vực miền Đông Nam Bộ còn phát triển đến thị trường cây ăn trái vùng Đồng Tháp và cây thanh long ở Bình Thuận.
- Hoàn thiện hồ sơ liên quan đến các khu đất phục vụ Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tân Long.
- Phát triển, mở rộng việc kinh doanh và tăng cường công tác quảng bá, tiếp thị đối với các sản phẩm gạch con voi, phân bón con voi và nước đóng chai.

- Tiếp tục triển khai thực hiện nghiên cứu, hoàn chỉnh các công nghệ xử lý rác, tăng cường công tác bán và chuyển giao thiết bị xử lý rác.

### 3. Lĩnh vực thu gom, xử lý nước thải:

- Tiếp tục hoàn thiện và trình duyệt phương án đơn giá dịch vụ thoát nước thải sinh hoạt để có thể áp dụng đơn giá mới.
- Tăng cường công tác đấu nối khách hàng và hoàn thiện cơ chế thu gom nước thải đối với khách hàng công nghiệp.

### 4. Nhiệm vụ khác:

- Tăng cường công tác quảng cáo, tiếp thị cho thuê 3 tầng dưới của khu nhà ở xã hội cũng như các đối tượng mua căn hộ để thu hồi vốn đầu tư của công ty.
- Chuẩn bị đất dự kiến xây dựng văn phòng làm việc BIWASE và xây dựng trung tâm thương mại tại TP Mới Bình Dương.
- Tiếp tục nâng cao nhận thức người lao động, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, cải tiến trong công tác điều hành, quản lý vận hành hiệu quả, tiết kiệm chi phí. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, kiện toàn bộ máy quản lý, tăng năng suất và hiệu quả lao động.
- Tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ quản trị, kiến thức về chứng khoán và pháp lý phù hợp với hình thức công ty cổ phần.
- Nghiên cứu mở rộng thị trường kinh doanh với tầm nhìn dài hạn.
- Tiếp tục thúc đẩy thực hiện các công việc, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh ... trong năm 2020 để hoàn thành kế hoạch, nghị quyết đã đề ra tại đại hội cổ đông năm 2020.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 và Phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2020 kính trình tại Đại Hội cổ đông thường niên năm 2020.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Lưu VT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Trần Chiến Công*  
**Trần Chiến Công**

**PHỤ LỤC**

\* Đầu nổi khách hàng cấp nước thay đổi trong năm 2019: **30.254** khách hàng, cụ thể như sau:

| STT | CHI NHÁNH     | KHÁCH HÀNG          |      |          |          | TỔNG CỘNG     |
|-----|---------------|---------------------|------|----------|----------|---------------|
|     |               | Kinh doanh, dịch vụ | HCSN | Sản xuất | Dân dụng |               |
| 1   | THỦ DẦU MỘT   | 40                  | 10   | 27       | 5.708    | <b>5.785</b>  |
| 2   | DĨ AN         | 85                  | 11   | 34       | 9.059    | <b>9.189</b>  |
| 3   | KHU LIÊN HỢP  | 25                  | 18   | 1.047    | 5.372    | <b>6.462</b>  |
| 4   | TÂN UYÊN      | 7                   | 2    | 86       | 1.209    | <b>1.304</b>  |
| 5   | DẦU TIẾNG     | 1                   | 1    | 1        | 220      | <b>223</b>    |
| 6   | PHƯỚC VĨNH    | -2                  | 2    | 0        | 114      | <b>114</b>    |
| 7   | BÀU BÀNG      | -1                  | 4    | 1.056    | 1.794    | <b>2.853</b>  |
| 8   | XNCN THUẬN AN | 105                 | 4    | -6       | 3.181    | <b>3.284</b>  |
| 9   | CN CHƠN THÀNH | 7                   | 12   | 40       | 981      | <b>1.040</b>  |
|     | <b>TỔNG</b>   | 267                 | 64   | 2.285    | 27.638   | <b>30.254</b> |

\* Đầu nổi khách hàng cấp nước lũy kế đến 31/12/2019: 275.376 khách hàng, cụ thể như sau:

| STT | CHI NHÁNH cấp nước | NƯỚC Tiêu thụ (m <sup>3</sup> ) | NƯỚC Sản xuất (m <sup>3</sup> ) | KHÁCH HÀNG          |              |              |                | TỔNG CỘNG      |
|-----|--------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------|--------------|--------------|----------------|----------------|
|     |                    |                                 |                                 | Kinh doanh, dịch vụ | HCSN         | Sản xuất     | Dân dụng       |                |
| 1   | THỦ DẦU MỘT        | 16.435.215                      | 18.382.258                      | 683                 | 394          | 244          | 57.374         | <b>58.695</b>  |
| 2   | DĨ AN              | 55.052.066                      | 83.497.949                      | 777                 | 386          | 1.281        | 102.281        | <b>104.725</b> |
| 3   | KHU LIÊN HỢP       | 44.979.040                      | 48.297.177                      | 106                 | 182          | 3.370        | 40.044         | <b>43.702</b>  |
| 4   | TÂN UYÊN           | 8.836.733                       | 9.150.885                       | 32                  | 111          | 729          | 9.879          | <b>1.304</b>   |
| 5   | DẦU TIẾNG          | 838.839                         | 854.251                         | 39                  | 60           | 4            | 4.647          | <b>4.750</b>   |
| 6   | PHƯỚC VĨNH         | 605.112                         | 638.324                         | 19                  | 77           | 3            | 3.071          | <b>3.170</b>   |
| 7   | BÀU BÀNG           | 9.314.855                       | 7.040.665                       |                     | 48           | 3.562        | 3.639          | <b>7.249</b>   |
| 8   | THUẬN AN           | 14.393.798                      | 20.575.795                      | 598                 | 183          | 369          | 37.354         | <b>38.504</b>  |
| 9   | CHƠN THÀNH         | 4.675.969                       | 4.741.685                       | 21                  | 25           | 114          | 3.670          | <b>3.830</b>   |
|     | <b>TỔNG</b>        | <b>155.131.627</b>              | <b>164.378.473</b>              | <b>2.275</b>        | <b>1.466</b> | <b>9.676</b> | <b>261.959</b> | <b>275.376</b> |
|     |                    |                                 |                                 | <b>275.376</b>      |              |              |                |                |

- Số m đường ống cấp nước thi công, thực hiện trong năm 2019 tăng thêm **276.586** m. Cụ thể như sau:

| ST<br>T | Tên nhà máy       | Số đường ống thi công thực hiện trong kỳ(m) |                |
|---------|-------------------|---|----------------|
|         |                   | Đường kính                                  | Chiều dài (m)  |
| 1       | CNCN Khu Liên Hợp | Ống chuyển tải cấp 2 (D250-D200)            | 760            |
|         |                   | Ống phân phối cấp 1 (D150-D90)              | 30.844         |
|         |                   | Ống phân phối cấp 2 (D60)                   | 14.109         |
|         |                   | <b>cộng</b>                                 | <b>45.713</b>  |
| 2       | CNCN Dĩ An        | Ống phân phối cấp 1 (D150-D90)              | 24.530         |
|         |                   | Ống phân phối cấp 2 (D60)                   | 3.075          |
|         |                   | <b>cộng</b>                                 | <b>27.605</b>  |
| 3       | CNCN Thủ Dầu Một  | Ống chuyển tải cấp 2 (D250-D200)            | 262            |
|         |                   | Ống phân phối cấp 1 (D150-D90)              | 47.894         |
|         |                   | Ống phân phối cấp 2 (D60)                   | 18.140         |
|         |                   | <b>cộng</b>                                 | <b>66.296</b>  |
| 4       | CNCN Tân Uyên     | Ống chuyển tải cấp 1 (D630-D300)            | 4.606          |
|         |                   | Ống phân phối cấp 1 (D150-D90)              | 22.497         |
|         |                   | Ống phân phối cấp 2 (D60)                   | 1.088          |
|         |                   | <b>cộng</b>                                 | <b>28.191</b>  |
| 5       | CNCN Thuận An     | Ống chuyển tải cấp 2 (D250-D200)            | 1.730          |
|         |                   | Ống phân phối cấp 1(D150-D90)               | 21.595         |
|         |                   | Ống phân phối cấp 2 (D60)                   | 7.140          |
|         |                   | <b>Cộng</b>                                 | <b>30.465</b>  |
| 7       | CNCN Bàu Bàng     | Ống chuyển tải cấp 1( D300)                 | 750            |
|         |                   | Ống chuyển tải cấp 2 (D250-D200)            | 1.200          |
|         |                   | Ống phân phối cấp 1(D150-D90)               | 35.990         |
|         |                   | Ống phân phối cấp 2 (D60)                   | 2.135          |
|         |                   | <b>Cộng</b>                                 | <b>40.075</b>  |
| 8       | CNCN Chơn Thành   | Ống chuyển tải cấp 1 (D400-D300)            | 6.222          |
|         |                   | Ống chuyển tải cấp 2 (D250-D200)            | 1.432          |
|         |                   | Ống phân phối cấp 1(D150-D90)               | 23.465         |
|         |                   | Ống phân phối cấp 2 (D60)                   | 450            |
|         |                   | <b>Cộng</b>                                 | <b>31.569</b>  |
| 9       | CNCN Phước Vĩnh   | Ống phân phối cấp 1(D150-D90)               | 3.230          |
|         |                   | Ống phân phối cấp 2 (D60)                   | 900            |
|         |                   | <b>Cộng</b>                                 | <b>4.130</b>   |
| 10      | CNCN Dầu Tiếng    | Ống phân phối cấp 1(D150-D90)               | 1.112          |
|         |                   | Ống phân phối cấp 2 (D60)                   | 1.430          |
|         |                   | <b>Cộng</b>                                 | <b>2.542</b>   |
|         |                   | <b>Tổng cộng</b>                            | <b>276.586</b> |

\* Tổng số km đường ống cấp nước hiện do công ty quản lý, sử dụng đến 31/12/2019: 4.210.886m.

| STT | Tên nhà máy            | Số đường ống quản lý, khai thác (m) |
|-----|------------------------|-------------------------------------|
| 1   | CNCN Khu Liên Hợp      | 856.953                             |
| 2   | CNCN Dĩ An             | 1.048.012                           |
| 3   | CNCN Thị xã TDM        | 1.556.849                           |
| 4   | CNCN Tân Uyên          | 237.121                             |
| 5   | CNCN Thuận An          | 162.511                             |
| 6   | CNCN Phước Vĩnh        | 56.705                              |
| 7   | CNCN Dầu Tiếng         | 55.247                              |
| 8   | CNCN Bàu Bàng          | 120.703                             |
| 9   | CN Cấp nước Chơn Thành | 182.461                             |
|     | <b>Tổng cộng</b>       | <b>4.276.562m</b>                   |

\* Bảng tổng hợp tình hình hoạt động của các Chi nhánh xử lý nước thải trong kỳ

| STT | Chi nhánh xử lý nước thải | Công suất thiết kế (m <sup>3</sup> /ngày đêm) | Lượng nước xử lý trong kỳ (m <sup>3</sup> ) | Sản lượng xử lý Bình quân (m <sup>3</sup> /ngày đêm) | Sản lượng theo kế hoạch 2019 (m <sup>3</sup> /ngày đêm) | Đạt Kế hoạch 2019 (%) | Số lượng đầu nổi (khách hàng) |               | Ghi chú Ngày bắt đầu vận hành |
|-----|---------------------------|---|---|--|---|-----------------------|-------------------------------|---------------|-------------------------------|
|     |                           |   |   |  |   |                       | Tăng trong kỳ                 | Lũy kế        |                               |
| 1   | Thủ Dầu Một               | 17.650  | 5.017.395                                   | 14.533   | 15.500  | 94                    | 1.150                         | 6.513         | 31/05/2013                    |
| 2   | Thuận An                  | 17.000  | 2.811.442                                   | 8.953  | 10.000  | 74                    | 1.129                         | 2.649         | 21/04/2017                    |
| 3   | Dĩ An                     | 20.000  | 2.193.325                                   | 6.009  | 10.000  | 60                    | 990                           | 1.081         | 30/11/2018                    |
| 4   | Tân Uyên                  | 15.000  | 775.458                                     | 2.820  |   |                       | 188                           | 188           | 01/04/2019 chạy thử           |
|     | <b>Tổng cộng</b>          | <b>69.650</b>                                 | <b>10.797.620</b>                           | <b>32.315</b>  | <b>35.500</b>   | <b>87</b>             | <b>3.457</b>                  | <b>10.431</b> |                               |

\* Bảng tổng hợp Nhân sự theo các bộ phận của BIWASE đến ngày 31/12/2019

| STT | Chi nhánh              | Số nhân viên | Trong đó: giới tính |            | Trong đó: trình độ |            |           |            |            |           |
|-----|------------------------|--------------|---------------------|------------|--------------------|------------|-----------|------------|------------|-----------|
|     |                        |              | nam                 | nữ         | Trên ĐH            | Đại học    | Cao đẳng  | Trung cấp  | CN KT      | LĐ PT     |
| 1   | CN CN Dĩ An            | 134          | 114                 | 20         |                    | 7          | 12        | 28         | 80         | 7         |
| 2   | CN CN Khu Liên Hợp     | 105          | 82                  | 23         |                    | 11         | 7         | 30         | 52         | 5         |
| 3   | CN CN Thủ Dầu Một      | 60           | 47                  | 13         |                    | 10         | 5         | 9          | 33         | 3         |
| 4   | CN CN Thuận An         | 40           | 32                  | 8          |                    | 7          | 3         | 3          | 23         | 4         |
| 5   | CN CN Tân Uyên         | 59           | 49                  | 10         |                    | 2          | 4         | 20         | 31         | 2         |
| 6   | CN CN Chơn Thành       | 23           | 22                  | 1          |                    | 6          | 2         | 4          | 10         | 1         |
| 7   | CN CN Bàu Bàng         | 21           | 18                  | 3          |                    | 3          | 2         | 4          | 12         |           |
| 8   | CN CN Dầu Tiếng        | 8            | 7                   | 1          |                    | 1          |           | 3          | 4          |           |
| 9   | CN CN Phước Vĩnh       | 6            | 6                   |            |                    |            | 1         | 4          | 1          |           |
| 10  | CN Dịch Vụ Đô Thị      | 31           | 19                  | 12         |                    | 4          | 3         | 5          | 18         | 1         |
| 11  | CN Xử Lý Chất Thải     | 362          | 287                 | 75         |                    | 55         | 13        | 35         | 235        | 24        |
| 12  | CN NT Thủ Dầu Một      | 59           | 40                  | 19         |                    | 16         | 7         | 8          | 26         | 2         |
| 13  | CN NT Thuận An         | 42           | 31                  | 11         |                    | 16         | 3         | 6          | 15         | 2         |
| 14  | CN NT Dĩ An            | 24           | 19                  | 5          | 1                  | 4          | 5         | 5          | 8          | 1         |
| 15  | CN NT Tân Uyên         | 19           | 13                  | 6          |                    | 10         | 2         | 1          | 3          | 3         |
| 16  | CN Tư Vấn CTN          | 11           | 5                   | 6          |                    | 6          | 1         | 4          |            |           |
| 17  | CN Cơ Điện             | 25           | 22                  | 3          |                    | 14         | 1         | 3          | 7          |           |
| 18  | Ban điều hành          | 5            | 5                   |            | 2                  | 3          |           |            |            |           |
| 19  | P. Nhân Sự - Quản Trị  | 40           | 23                  | 17         |                    | 6          | 1         | 2          | 13         | 18        |
| 20  | P. Tài Chính - Kế Toán | 23           | 8                   | 15         |                    | 15         | 2         | 4          | 2          |           |
| 21  | P. Kế Hoạch - Vật Tư   | 10           | 5                   | 5          | 1                  | 7          | 1         | 1          |            |           |
| 22  | P. CTT & DVKH          | 11           | 11                  |            |                    | 6          |           | 4          | 1          |           |
| 23  | BQLDA                  | 6            | 5                   | 1          |                    | 4          |           | 1          | 1          |           |
| 24  | Trung tâm QLCL Nước    | 9            | 1                   | 8          |                    | 6          | 2         | 1          |            |           |
| 25  | Trung tâm Đào Tạo NNL  | 2            | 1                   | 1          |                    | 2          |           |            |            |           |
|     | <b>Tổng cộng</b>       | <b>1.135</b> | <b>872</b>          | <b>263</b> | <b>4</b>           | <b>221</b> | <b>77</b> | <b>185</b> | <b>575</b> | <b>73</b> |

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**  
**Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

| Mã số      | CHỈ TIÊU                              | 31/12/2019               | 01/01/2019                |
|------------|---------------------------------------|--------------------------|---------------------------|
|            |                                       | VND                      | VND                       |
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>            | <b>1.651.901.010.661</b> | <b>1.476.521.530.699</b>  |
| 110        | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 74.621.333.362           | 166.745.863.786           |
| 120        | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn         | 254.290.000.000          | 176.300.000.000           |
| 130        | III. Các khoản phải thu ngắn hạn      | 844.317.297.996          | 760.395.556.420           |
| 140        | IV. Hàng tồn kho                      | 469.061.006.096          | 367.601.277.041           |
| 150        | V. Tài sản ngắn hạn khác              | 9.611.373.207            | 5.478.833.452             |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>             | <b>4.468.457.027.680</b> | <b>12.221.106.004.372</b> |
| 210        | I. Các khoản phải thu dài hạn         | 924.112.207.078          | 30.262.623.942            |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>            | <b>2.257.941.415.719</b> | <b>4.257.365.887.431</b>  |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình           | 2.174.309.256.558        | 4.172.889.989.982         |
| 227        | 3. Tài sản cố định vô hình            | 83.632.159.161           | 84.475.897.449            |
| <b>240</b> | <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>    | <b>597.980.565.916</b>   | <b>7.280.481.940.607</b>  |
| 242        | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang       | 597.980.565.916          | 7.280.481.940.607         |
| 250        | V. Đầu tư tài chính dài hạn           | 628.385.135.435          | 604.353.765.435           |
| 260        | VI. Tài sản dài hạn khác              | 60.037.703.532           | 48.641.786.957            |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>              | <b>6.120.358.038.341</b> | <b>13.697.627.535.071</b> |
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                 | <b>3.984.907.897.543</b> | <b>9.630.960.663.981</b>  |
| 310        | I. Nợ ngắn hạn                        | 1.436.376.770.353        | 2.425.000.342.406         |
| 330        | II. Nợ dài hạn                        | 2.548.531.127.190        | 7.205.960.321.575         |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>              | <b>2.135.450.140.798</b> | <b>4.066.666.871.090</b>  |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>              | <b>2.135.450.140.798</b> | <b>4.066.066.453.694</b>  |
| 411        | 1. Vốn góp của chủ sở hữu             | 1.500.000.000.000        | 1.500.000.000.000         |
| 418        | 2. Quỹ đầu tư phát triển              | 181.953.713.765          | 72.324.893.590            |



|            |   |                          |                           |
|------------|---|--------------------------|---------------------------|
| 421        | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối      | 351.266.172.602          | 208.225.200.500           |
| 422        | 4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản       | 102.230.254.431          | 2.285.516.359.604         |
| <b>430</b> | <b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b> |                          | <b>600.417.396</b>        |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                | <b>6.120.358.038.341</b> | <b>13.697.627.535.071</b> |

**Ghi chú:**

- Trong năm Công ty đã thực hiện bàn giao các Ban Quản lý Dự án gồm: Ban Quản lý Dự án Cấp nước Nam Thủ Dầu Một; Ban Quản lý Dự án Cấp thoát nước môi trường; Ban Quản lý Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên và Ban Quản lý Dự án Cải thiện Môi trường nước Nam Bình Dương về cho Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương theo các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Do vậy, Công ty không thực hiện cộng hợp số liệu của các Ban Quản lý Dự án này vào Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Điều này dẫn đến giá trị tổng tài sản và tổng nguồn vốn trên Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2019 giảm đáng kể so với thời điểm ngày 01/01/2019.

**II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 | Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 | Tỷ lệ tăng     |
|-------|--|--|--|----------------|
|       |  | VND                                    | VND                                    | %              |
| 1     | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ             | 2.525.378.201.291                      | 2.171.817.061.711                      | 16,28          |
| 2     | Các khoản giảm trừ doanh thu                       | 283.807.272                            | -                                      |                |
| 10    | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ    | 2.525.094.394.019                      | 2.171.817.061.711                      | 16,27          |
| 11    | Giá vốn hàng bán                                   | 1.495.194.904.142                      | 1.309.033.892.919                      | 14,22          |
| 20    | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ      | 1.029.899.489.877                      | 862.783.168.792                        | 19,37          |
| 21    | Doanh thu hoạt động tài chính                      | 55.902.798.905                         | 35.049.372.663                         | 59,50          |
| 22    | Chi phí tài chính                                  | 128.056.209.080                        | 184.583.337.652                        | -30,6%         |
| 23    | - Trong đó: Chi phí lãi vay                        | 143.389.491.128                        | 130.830.308.403                        | 9,60           |
| 25    | Chi phí bán hàng                                   | 304.838.014.710                        | 270.431.867.551                        | 12,72          |
| 26    | Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 112.686.941.176                        | 108.370.944.274                        | 3,98           |
| 30    | <b>1. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>  | <b>540.221.123.816</b>                 | <b>334.446.391.978</b>                 | <b>61,53</b>   |
| 31    | 1. Thu nhập khác                                   | 50.073.237.532                         | 40.201.760.595                         | 24,55          |
| 32    | 1. Chi phí khác                                    | 62.713.687.136                         | 24.055.274.897                         | 160,71         |
| 40    | <b>1. Lợi nhuận khác</b>                           | <b>(12.640.449.604)</b>                | <b>16.146.485.698</b>                  | <b>-178,29</b> |
| 50    | <b>2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>        | <b>527.580.674.212</b>                 | <b>350.592.877.676</b>                 | <b>50,48</b>   |
| 51    | 2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành    | 62.265.841.835                         | 37.367.677.176                         | 66,63          |
| 60    | <b>3. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> | <b>465.314.832.377</b>                 | <b>313.225.200.500</b>                 | <b>48,56</b>   |

### III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu  | Năm 2019          | Năm 2018          | Tỷ lệ tăng |
|---|-------------------|-------------------|------------|
| Tổng tài sản  | 6.120.358.038.341 | 5.471.822.917.752 | 11,85%     |
| Tài sản ngắn hạn                                    | 1.651.901.010.661 | 1.177.533.156.882 | 40,28%     |
| Nợ phải trả   | 3.984.907.897.543 | 3.691.272.823.662 | 7,95%      |
| Nợ ngắn hạn   | 1.436.376.770.353 | 1.250.081.830.771 | 14,90%     |
| Hàng tồn kho  | 469.061.006.096   | 340.227.065.597   | 37,87%     |
| Vốn chủ sở hữu                                      | 2.135.450.140.798 | 1.780.550.094.090 | 19,93%     |
| Doanh thu thuần                                     | 2.525.094.394.019 | 2.171.817.061.711 | 16,27%     |
| Giá vốn   | 1.495.194.904.142 | 1.309.033.892.919 | 14,22%     |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                   | 540.221.123.816   | 334.446.391.978   | 61,53%     |
| Lợi nhuận khác                                      | -12.640.449.604   | 16.146.485.698    | -178,29%   |
| Lợi nhuận trước thuế                                | 527.580.674.212   | 350.592.877.676   | 50,48%     |
| Lợi nhuận sau thuế                                  | 465.314.832.377   | 313.225.200.500   | 48,56%     |
| <b>1. Chỉ số khả năng thanh toán</b>                |                   |                   |            |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn                         | 1,150             | 0,942             |            |
| <b>2. Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                |                   |                   |            |
| - Hệ số nợ / Tổng tài sản                           | 0,651             | 0,675             |            |
| - Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu                         | 1,866             | 2,073             |            |
| <b>3. Chỉ số về năng lực hoạt động</b>              |                   |                   |            |
| - Vòng quay hàng tồn kho                            | 3,695             | 4,171             |            |
| - Doanh thu thuần / Tổng tài sản                    | 0,413             | 0,397             |            |
| <b>4. Chỉ tiêu khả năng sinh lời</b>                |                   |                   |            |
| - Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)          | 18,43%            | 14,42%            |            |
| - Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)          | 21,79%            | 17,59%            |            |
| - Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)             | 7,60%             | 5,72%             |            |
| - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần | 21,39%            | 15,40%            |            |

**Ghi chú:** Số liệu tài chính năm 2018 là số liệu đã loại các Ban Quản lý Dự án mà trong năm 2019 đã bàn giao về cho Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương để tiện cho việc so sánh.

Bình Dương, ngày 03 tháng 3 năm 2020

**Người lập**



Nguyễn Thị Mộng Thường

**Kế toán trưởng**



Trần Tân Đức

**Tổng Giám đốc**



Trần Chiến Công

*Thủ Dầu Một, ngày 3 tháng 3 năm 2020*

## **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Căn cứ báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2019.

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, thẩm định báo cáo quyết toán tài chính và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2019. Nay Ban Kiểm soát thống nhất báo cáo trình đại hội như sau:

### **I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **1.1 Công tác kiểm tra tình hình hoạt động trong kỳ:**

Ban kiểm soát được đại hội đồng cổ đông bầu cử, hiện tại gồm 3 thành viên:

1. Bà Dương Anh Thư – Trưởng ban.
2. Bà Trần Thị Kim Oanh – Thành viên.
3. Ông Nguyễn Đức Bảo – Thành viên.

Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ chính như sau:

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện theo Điều lệ hoạt động của Công ty, các quy chế hoạt động của doanh nghiệp, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT công ty ban hành.

- Kiểm tra công tác pháp lý doanh nghiệp cũng như việc thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản theo trình tự quy định hiện hành.

- Kiểm tra tính pháp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác tổ chức kế toán, Kiểm tra các số liệu hoạt động sản xuất kinh doanh, các hợp đồng, các báo cáo tài chính quý, 1/2 và năm 2019 của Công ty.

- Kiểm tra, kiểm soát các hồ sơ pháp lý giúp HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các chi nhánh thực hiện hiệu quả công việc và đúng quy định, qua đó đạt và vượt các chỉ tiêu được giao tại ĐHĐCĐ năm 2019.

- Theo dõi việc tổng hợp, cân đối nguồn vốn đầu tư trung, dài hạn của BIWASE để ban điều hành thuận tiện trong công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp.

- Phối hợp cùng kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ trong việc kiểm tra, lập BCTC hàng quý, năm để đảm bảo sự phù hợp trong công tác kế toán, quản trị tài chính của doanh nghiệp.

- Tham gia việc quản lý rủi ro về tài chính để có thể cảnh báo rủi ro giúp cho việc điều hành doanh nghiệp hiệu quả hơn.

- Theo dõi tình hình hoạt động của các công ty có vốn góp của BIWASE.
- Thực hiện công bố thông tin theo quy định phù hợp với yêu cầu đối với công ty đại chúng với quy mô lớn.
- Tham dự, giám sát các cuộc họp của HĐQT và các công việc khác.

### **1.2 Công tác Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019:**

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành 12 cuộc họp, với nội dung họp bàn và ra các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, các nội dung chủ yếu họp bàn về quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh, đề xuất, xác định mức cổ tức và tổ chức chi trả cổ tức năm 2019 và quyết định một số vấn đề kinh doanh, giao dịch cần có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị theo quy định với một số nội dung điển hình như sau:

- Chuyển đổi tên tất cả các Xí nghiệp trực thuộc Công ty thành Chi nhánh.
- Thống nhất chủ trương đầu tư xây dựng: Nâng công suất Nhà máy nước Tân Hiệp, công suất tăng thêm 100.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội và công viên cây xanh 12 tầng An Phú; dự án đầu tư mở rộng NMN Uyên Hưng, công suất 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; Đầu tư nâng công suất KLH XL CTR Nam Bình Dương, CS tăng thêm 1.240 tấn; Nâng công suất NMN Nam Tân Uyên, NMN Phước Vĩnh, NMN Dầu Tiếng.
- Các chủ trương liên quan đến khu đất mở rộng NMN Uyên Hưng, mở rộng NMN Dầu Tiếng, khu đất dự kiến xây dựng văn phòng làm việc BIWASE và TT thương mại tại Khu đô thị mới.
- Các chủ trương vay vốn ưu đãi từ các tổ chức tín dụng...

### **1.3 Kế hoạch, định hướng công tác BKS năm 2020.**

- Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Phối hợp kiểm toán nội bộ, thực hiện kiểm tra, kiểm soát công tác sử dụng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, vật tư sử dụng, công tác quản lý, sử dụng tiền mặt, tài sản tại các chi nhánh được hiệu quả, đúng mục đích. Thực hiện công tác kiểm toán năng lượng, công tác quản lý các khoản nợ phải thu, phải trả và các hoạt động khác của Công ty.

- Kiểm tra, kiểm soát trình tự, pháp lý và hiệu quả thực hiện công tác đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất, kinh doanh của công ty. Kiểm tra việc thực hiện và chấp hành đúng hướng dẫn của nhà nước về trình tự xây dựng cơ bản, đảm bảo công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng cơ bản đúng đắn, minh bạch, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành nâng cao hiệu quả các dự án, công trình.

- Giám sát, thực hiện công tác pháp lý, công bố thông tin phù hợp với hình thức của công ty đại chúng quy mô lớn.

- Giám sát HĐQT, Ban điều hành thực hiện công tác quản trị công ty cũng như việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

## **II. ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019**

### **2.1 Công tác quản lý của Hội đồng quản trị.**

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy chế hoạt động của HĐQT. Tất cả các phiên họp được tiến hành đúng quy định của Điều lệ Công ty. Nội dung họp và nghị quyết tại các phiên họp đều là những vấn đề thuộc nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT.

Giữa các phiên họp định kỳ của Hội đồng quản trị, khi cần giải quyết các vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị tổ chức họp bổ sung và có thông tin cho Ban Kiểm soát.

## **2.2 Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ kịp thời, hợp lý và hiệu quả trong Ban Giám đốc để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

Với nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, sự đoàn kết trong tập thể Ban Tổng Giám đốc và chỉ đạo kịp thời của HĐQT, Công ty đã từng bước khắc phục khó khăn, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của HĐQT.

## **2.3 Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc điều hành và Cổ đông.**

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT đều mời Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát tham dự, đóng góp ý kiến xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý điều hành Công ty.

Các nghị quyết của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao, cung cấp đầy đủ kịp thời cho Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành.

## **III. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019**

### **3.1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính.**

Tại thời điểm kiểm soát, BCTC năm 2019 của Công ty đã được Đơn vị kiểm toán độc lập hoàn chỉnh gồm: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo các khoản phải nộp nhà nước và thuyết minh BCTC năm 2019.

Căn cứ báo cáo tài chính và các báo cáo liên quan, sau khi rà soát, Ban Kiểm soát nhận thấy:

+ Các chứng từ kế toán được thực hiện đầy đủ và lưu giữ gọn gàng, đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát. Các biểu mẫu báo cáo rõ ràng, đúng quy định.

+ Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành và chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS.

+ Các số liệu báo cáo tài chính năm 2019 phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019.

- Ban Kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

### **3.2. Nhận xét kết quả báo cáo tài chính năm 2019.**

#### **3.2.1. Các chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Trong đó doanh thu thực hiện năm 2019 chi tiết tại các lĩnh vực hoạt động chính của công ty, cụ thể như sau:

| STT | Lĩnh vực hoạt động chính | Doanh thu         |                 | Chi phí           |                 | Lãi gộp           |                 | % Lãi/DT   |
|-----|--------------------------|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|------------|
|     |                          | Giá trị (Tỷ đồng) | Chiếm tỷ lệ (%) | Giá trị (Tỷ đồng) | Chiếm tỷ lệ (%) | Giá trị (Tỷ đồng) | Chiếm tỷ lệ (%) |            |
| 1   | Cấp nước                 | 1.637,3           | 62%             | 1.268,9           | 60%             | 368,4             | 70%             | 23%        |
| 2   | Xử lý chất thải          | 647,3             | 25%             | 589,2             | 28%             | 58,1              | 11%             | 9%         |
| 3   | Xử lý nước thải          | 83,3              | 3%              | 73,2              | 4%              | 10,1              | 2%              | 12%        |
| 4   | Hoạt động khác           | 263,1             | 10%             | 172,2             | 8%              | 90,9              | 17%             | 35%        |
|     | <b>Tổng cộng</b>         | <b>2.631</b>      | <b>100%</b>     | <b>2.103</b>      | <b>100%</b>     | <b>528</b>        | <b>100%</b>     | <b>20%</b> |

**Nhân xét:**

Kết quả tổng doanh thu 2019 thực hiện đạt 2.631 tỷ đồng và tổng lãi gộp 528 tỷ đồng, trong đó lĩnh vực cấp nước chiếm đa số với doanh thu chiếm 62%, lãi gộp chiếm 70% và tỷ lệ lãi gộp/doanh thu đạt 23%, kế đến là Xử lý chất thải và hoạt động khác. Nguyên nhân: một phần do trong kỳ, giá nước được điều chỉnh kịp thời theo lộ trình từ kỳ hóa đơn tháng 1/2019.

**Một số chỉ tiêu chính thực hiện năm 2019 so với kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:**

| Chỉ tiêu                          | ĐVT            | Kế hoạch năm 2019 | Thực hiện năm 2019 | % so với KH |
|-----------------------------------|----------------|-------------------|--------------------|-------------|
| <b>1. Tổng Doanh thu</b>          | Tỷ đồng        | 2.471             | <b>2.631</b>       | 106%        |
| <b>2. Lợi nhuận trước thuế</b>    | Tỷ đồng        | 351               | <b>528</b>         | 150%        |
| <b>3. Lợi nhuận sau thuế</b>      | Tỷ đồng        |                   | <b>465</b>         |             |
| <b>4. Sản lượng nước tiêu thụ</b> | m <sup>3</sup> | 152.680.000       | <b>154.313.278</b> | 101%        |
| <b>5. Đẩu nổi khách hàng</b>      | KH             | 34.150            | <b>30.254</b>      | 89%         |
| <b>6. Thất thoát nước</b>         | %              | 5,75              | <b>5,54</b>        | Giảm 0,21%  |

**Nhân xét:**

Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng cao của người dân, trong năm 2019, một số nhà máy nước của BIWASE đã phải chạy vượt công suất như Tân Hiệp, Tân Uyên, Uyên Hưng, Dĩ An và Chơn Thành. HĐQT và Ban điều hành Công ty đã chủ động đề ra các giải pháp đầu tư mở rộng nâng công suất nhà máy và mạng lưới cấp nước, tăng cường đầu nổi khách hàng kể cả việc đầu tư mở rộng cấp nước khu vực nông thôn.

Đơn giá nước sạch năm 2019 được điều chỉnh theo lộ trình phù hợp và kịp thời vào kỳ hóa đơn tháng 1/2019 theo Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND về việc quy định giá nước cho sinh hoạt đô thị và sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2018 đến năm 2022.

Kết quả tổng doanh thu 2019 thực hiện đạt 2.631 tỷ đồng, tăng 17% so với thực hiện năm 2018 là (2.247 tỷ đồng) và đạt 107% kế hoạch được giao tại nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2019 (2.471 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế đạt 465 tỷ đồng, đạt 149% so với năm 2018 (313 tỷ đồng).

Kết quả thất thoát nước trong năm 2019 đạt 5,54% vượt chỉ tiêu được giao 5,75%, thấp hơn 0,21% so với kế hoạch. Tuy nhiên, số lượng đầu nối khách hàng cấp nước tăng trong kỳ 30.254 đầu nối, chỉ đạt 89% kế hoạch được giao (34.150 đầu nối).

**Bảng tổng hợp một số chỉ số hoạt động của BIWASE năm 2019:**

| STT       | CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH                     | ĐVT     | Thời điểm  |            | So Sánh với năm trước |
|-----------|--|---------|------------|------------|-----------------------|
|           |  |         | 31/12/2018 | 31/12/2019 |                       |
| <b>I</b>  | <b>Chỉ số về khả năng sinh lời</b>       |         |            |            |                       |
| 1         | - Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu ROS       | %       | 14%        | 18%        | 127%                  |
| 2         | - Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu ROE  | %       | 8%         | 22%        | 283%                  |
| 3         | - Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ROA    | %       | 2%         | 8%         | 333%                  |
| <b>II</b> | <b>Chỉ số về năng lực hoạt động</b>      |         |            |            |                       |
| 10        | - Doanh thu thuần / Tổng tài sản         | %       | 16%        | 41%        | 260%                  |
| 11        | - Thu nhập trên cổ phần (EPS)            | Đồng/cp | 2.087      | 3.102      | 149%                  |
| 12        | - Chỉ số P/E                             | lần     | 12         | 7          | 63%                   |
| 13        | - Lợi nhuận biên từ hoạt động kinh doanh | %       | 14%        | 18%        | 127%                  |

**Nhận xét:**

+ **Tỷ suất lợi sau thuế trên doanh thu (ROS)** năm 2019: **18%** tăng hơn năm 2018 (4%). Tỷ lệ này rất cao so với tỷ suất lợi nhuận nhà nước quy định khi xây dựng phương án giá nước là 5%.

+ **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)** năm 2019: **22%**, tăng hơn năm 2018 (14%).

+ **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)** năm 2019: **8%**, tăng hơn năm 2018 (6%).

Như vậy, các chỉ số ROS, ROE, ROA đạt được năm 2019 trên đều cao hơn so với năm 2018 cho thấy hiệu quả hoạt động công ty theo đánh giá đạt khá cao so với năm trước cũng như so với các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành. Trong đó, một số chỉ tiêu liên quan đến giá trị tài sản, vốn chủ sở hữu của BIWASE có sự thay đổi đáng kể so với năm 2018 do trong năm 2019 công ty đã hoàn thành hồ sơ và chính thức bàn giao tài sản thuộc lĩnh vực thoát nước mà công ty giữ hộ cho Ban quản lý chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương thành lập theo quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 13/2/2019 của UBND tỉnh Bình Dương.

**3.2.2. Các chỉ số tài chính BIWASE năm 2019**

**Bảng tổng hợp một số chỉ số tài chính của BIWASE năm 2019: ĐVT %**

| STT      | CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH              | Thời điểm  |            | So Sánh với Năm trước |
|----------|-----------------------------------|------------|------------|-----------------------|
|          |                                   | 31/12/2018 | 31/12/2019 |                       |
| <b>I</b> | <b>Chỉ số khả năng thanh toán</b> |            |            |                       |



|           |                                   |      |      |      |
|-----------|-----------------------------------|------|------|------|
| 1         | - Hệ số thanh toán hiện hành      | 61%  | 115% | 189% |
| 2         | - Hệ số thanh toán nhanh          | 43%  | 82%  | 188% |
| 3         | - Hệ số thanh toán tiền mặt       | 4,8% | 5,2% | 108% |
| <b>II</b> | <b>Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b> |      |      |      |
| 4         | - Hệ số nợ / Tổng tài sản         | 70%  | 65%  | 93%  |
| 5         | - Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu       | 237% | 187% | 79%  |

### **Nhận xét:**

+ Nhìn chung, các chỉ số về khả năng thanh toán nợ của BIWASE năm 2019 đạt bằng và tốt hơn so với năm 2018 cho thấy đảm bảo đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp.

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu và trên tổng tài sản của năm 2019 đều đạt tốt hơn, giảm hơn so với năm 2018. Trong đó hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu năm 2019: 1,87 lần, giảm hơn so với năm 2018 (2,37 lần). Tuy tỷ lệ này vẫn còn cao nhưng vẫn nằm trong hệ số an toàn (hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu cho phép là không quá 3 lần).

## **IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ.**

### **4.1. Nhận xét, đánh giá**

- Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 chủ yếu như: Tổng doanh thu đạt 107%, khối lượng nước sạch tiêu thụ đạt 101%, lợi nhuận sau thuế đạt 149% và lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 149% so với năm 2018, chỉ tiêu thất thoát nước đạt 5,54%, giảm 0,21%. Tuy nhiên chỉ tiêu phát triển đầu nổi khách hàng sử dụng nước chỉ đạt 89% kế hoạch và chỉ số P/E chỉ đạt 63% so với năm 2018.

- Đáp ứng theo nhu cầu sử dụng nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn ngày càng tăng cao, trong năm 2019 ban điều hành đã tập trung đầu tư vào các công trình thuộc lĩnh vực chuyên môn như về cấp nước: Mở rộng NMN Tân Hiệp, công suất 100.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Mở rộng NMN Tân Uyên, Chơn Thành và rác thải: nâng công suất xử lý rác sinh hoạt thành phân compost, công suất tăng thêm 840 tấn/ngày, công trình Lò đốt rác, công suất 200 tấn/ngày, bể ủ thu hồi khí kết hợp phát điện số 4B... các công trình vào sử dụng chậm nhất vào quý 1/2020 và các công trình khả năng sẽ phát huy hiệu quả ngay khi đưa vào sử dụng.

- Ngoài ra, công ty đã thực hiện chấp hành tốt việc công bố thông tin phù hợp quy định của công ty đại chúng có quy mô lớn cũng như thực hiện các chế độ, chính sách pháp luật theo quy định tại các lĩnh vực về thuế, thu nộp ngân sách, tín dụng, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo tài chính và báo cáo khác.

### **4.2. Kiến nghị:**

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá các sản phẩm sản xuất, qua đó góp phần phát triển thương hiệu BIWASE và tăng khả năng thanh khoản của cổ phiếu BWE. Có giải pháp xử lý đối với các mặt hàng tồn kho không còn hiệu quả sử dụng cũng như tránh việc tồn kho hàng hóa, vật tư lớn.

2. Cần đẩy nhanh tiến độ công tác thu hộ tiền nước qua ngân hàng cũng như đảm bảo việc quản lý, sử dụng tiền mặt, tài sản tại các chi nhánh để việc tăng cường hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

3. Nhanh chóng hoàn chỉnh phương án kinh doanh dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội và công viên cây xanh 12 tầng tại phường An Phú - Thuận An- Bình Dương để có thể thu hồi phân vốn đầu tư và làm giảm áp lực tài chính của công ty đã đầu tư vào công trình trên.

4. Kiện toàn và tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực bộ máy quản lý, điều hành doanh nghiệp.

Trên đây là nội dung kết quả làm việc của Ban kiểm soát đã được các thành viên Ban Kiểm soát thông qua về công tác kiểm tra giám sát tình hình hoạt động năm 2019 của Công ty Cổ phần nước – Môi trường Bình Dương, kính trình tại Đại Hội cổ đông thường niên năm 2020.

Trân trọng kính chào!

**TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY**  
**TRƯỞNG BAN**



**Dương Anh Thư**

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019**

| Mã số     | CHỈ TIÊU   | Năm 2019        | Năm 2018        | Mức tăng/giảm | Tỷ lệ tăng/giảm |
|-----------|--|-----------------|-----------------|---------------|-----------------|
|           |  | (Tỷ VND)        | (Tỷ VND)        | (+/-)         | (%)             |
| <b>1</b>  | <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>          | <b>2.525,38</b> | <b>2.171,82</b> | <b>353,56</b> | <b>16</b>       |
| 2         | Các khoản giảm trừ doanh thu                           | 0,28            |                 | 0,28          |                 |
| <b>10</b> | <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>2.525,09</b> | <b>2.171,82</b> | <b>353,28</b> | <b>16,27</b>    |
| <b>11</b> | <b>Giá vốn hàng bán</b>                                | <b>1.495,19</b> | <b>1.309,03</b> | <b>186,16</b> | <b>14</b>       |
| <b>20</b> | <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>1.029,90</b> | <b>862,78</b>   | <b>167,12</b> | <b>19</b>       |
| 21        | Doanh thu hoạt động tài chính                          | 55,90           | 35,05           | 20,85         | 59              |
| 22        | Chi phí tài chính                                      | 128,06          | 184,58          | -56,53        | -31             |
| 23        | - Trong đó: Chi phí lãi vay                            | 143,39          | 130,83          | 12,56         | 10              |
| 25        | Chi phí bán hàng                                       | 304,84          | 270,43          | 34,41         | 13              |
| 26        | Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 112,69          | 108,37          | 4,32          | 4               |
| <b>30</b> | <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>         | <b>540,22</b>   | <b>334,45</b>   | <b>205,77</b> | <b>62</b>       |
| 31        | Thu nhập khác  | 50,07           | 40,20           | 9,87          | 25              |
| 32        | Chi phí khác   | 62,71           | 24,06           | 38,66         | 161             |
| <b>40</b> | <b>Lợi nhuận khác</b>                                  | <b>-12,64</b>   | <b>16,15</b>    | <b>-28,79</b> | <b>-178</b>     |
| <b>50</b> | <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>               | <b>527,58</b>   | <b>350,59</b>   | <b>176,99</b> | <b>50</b>       |
| 51        | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành           | 62,27           | 37,37           | 24,90         | 67              |
| <b>60</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>        | <b>465,31</b>   | <b>313,23</b>   | <b>152,09</b> | <b>49</b>       |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2019**

| Mã số      | CHỈ TIÊU                                  | Năm 2019         | Năm 2018          | Mức                | Tỷ lệ            |
|------------|---|------------------|-------------------|--------------------|------------------|
|            |   | (VND)            | (VND)             | tăng/giảm<br>(+/-) | tăng/giảm<br>(%) |
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                | <b>1.651.901</b> | <b>1.476.522</b>  | <b>175.379</b>     | <b>12</b>        |
| 110        | Tiền và các khoản tương đương tiền        | 74.621           | 166.746           | -92.125            | -55              |
| 120        | Đầu tư tài chính ngắn hạn                 | 254.290          | 176.300           | 77.990             | 44               |
| 130        | Các khoản phải thu ngắn hạn               | 844.317          | 760.396           | 83.922             | 11               |
| 140        | Hàng tồn kho                              | 469.061          | 367.601           | 101.460            | 28               |
| 150        | Tài sản ngắn hạn khác                     | 9.611            | 5.479             | 4.133              | 75               |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                 | <b>4.468.457</b> | <b>12.221.106</b> | <b>-7.752.649</b>  | <b>-63</b>       |
| 210        | Các khoản phải thu dài hạn                | 924.112          | 30.263            | 893.850            | 2.954            |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>                | <b>2.257.941</b> | <b>4.257.366</b>  | <b>-1.999.424</b>  | <b>-47</b>       |
| 221        | Tài sản cố định hữu hình                  | 2.174.309        | 4.172.890         | -1.998.581         | -48              |
| 227        | Tài sản cố định vô hình                   | 83.632           | 84.476            | -844               | -1               |
| <b>240</b> | <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>        | <b>597.981</b>   | <b>7.280.482</b>  | <b>-6.682.501</b>  | <b>-92</b>       |
| 242        | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 597.981          | 7.280.482         | -6.682.501         | -92              |
| 250        | Đầu tư tài chính dài hạn                  | 628.385          | 604.354           | 24.031             | 4                |
| 260        | Tài sản dài hạn khác                      | 60.038           | 48.642            | 11.396             | 23               |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                  | <b>6.120.358</b> | <b>13.697.628</b> | <b>-7.577.269</b>  | <b>-55</b>       |
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                     | <b>3.984.908</b> | <b>9.630.961</b>  | <b>-5.646.053</b>  | <b>-59</b>       |
| 310        | Nợ ngắn hạn                               | 1.436.377        | 2.425.000         | -988.624           | -41              |
| 330        | Nợ dài hạn                                | 2.548.531        | 7.205.960         | -4.657.429         | -65              |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                  | <b>2.135.450</b> | <b>4.066.667</b>  | <b>-1.931.217</b>  | <b>-47</b>       |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                  | <b>2.135.450</b> | <b>4.066.066</b>  | <b>-1.930.616</b>  | <b>-47</b>       |
| 411        | Vốn góp của chủ sở hữu                    | 1.500.000        | 1.500.000         | 0                  | 0                |
| 418        | Quỹ đầu tư phát triển                     | 181.954          | 72.325            | 109.629            | 152              |
| 421        | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối         | 351.266          | 208.225           | 143.041            | 69               |
| 422        | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản          | 102.230          | 2.285.516         | -2.183.286         | -96              |
| <b>430</b> | <b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b> | <b>0</b>         | <b>600</b>        | <b>-600</b>        | <b>-100</b>      |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                | <b>6.120.358</b> | <b>13.697.628</b> | <b>-7.577.269</b>  | <b>-55</b>       |

Số: 46./TTr-HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 16 tháng 3 năm 2020

**TỜ TRÌNH**  
**Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019.**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ nghị quyết số 10/ĐHĐCĐ2019-HĐQT ngày 15/3/2019 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua.
- Căn cứ BCTC năm 2019 của Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương đã được kiểm toán bởi Công ty AASC.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Nước – Môi Trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 như sau :

|   |                     |
|---|---------------------|
| 1./ Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 (LNST).  | : 465.314.832.377 đ |
| 2./ Chia cổ tức năm 2019 (10% trên vốn điều lệ đã góp)                                  | : 150.000.000.000 đ |
| 3./ Trích các quỹ   | : 255.923.157.808 đ |
| - Quỹ Đầu tư phát triển (35% LNST)  | : 162.860.191.332 đ |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% LNST)  | : 69.797.224.857 đ  |
| - Quỹ thưởng của người quản lý (5%LNST)   | : 23.265.741.619 đ  |
| 4./ Lợi nhuận sau thuế 2019 còn lại sau khi chia cổ tức                                 | : 59.391.674.569 đ  |
| 5./ Lợi nhuận sau thuế 2018 còn lại   | : 35.951.340.225 đ  |
| 6./ Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức được bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển. (4+5) | : 95.343.014.794 đ  |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.



TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thiên

Số: 9 /TTr.HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 5 tháng 03 năm 2020

## **TỜ TRÌNH**

*V/v Miễn nhiệm thành viên ban kiểm soát  
và bầu bổ sung thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ I (2016-2021)*

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp 2014”)
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ vào đơn từ nhiệm thành viên ban kiểm soát của Trần Thị Kim Oanh ngày 22/02/2020.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 xem xét, thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên ban kiểm soát:

### **1. Miễn nhiệm thành viên ban kiểm soát:**

Họ và tên người miễn nhiệm: Trần Thị Kim Oanh.

Ngày tháng năm sinh: 25/05/1982

Chức vụ trong BKS: Thành viên ban kiểm soát

### **2. Bầu cử bổ sung thành viên ban kiểm soát:**

Để đảm bảo số lượng thành viên ban kiểm soát theo qui định của Điều 32 Điều lệ Công ty và luật doanh nghiệp 2014, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông thông qua việc bầu bổ sung 1 thành viên ban kiểm soát.

Kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 xem xét, phê chuẩn./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Cty;
- Ban TGD Cty;
- Thành viên BKS Cty;
- Lưu: VT – HĐQT.



**Nguyễn Văn Thiên**



Bình Dương, ngày 3 tháng 03 năm 2020

**QUY CHẾ**  
**ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI**  
**HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp 2014”);
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần nước – môi trường Bình Dương được thông qua ngày 22/09/2016

Việc bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát (BKS) tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần nước – môi trường Bình Dương được tiến hành theo những qui định sau đây:

**CHƯƠNG I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này được sử dụng cho việc đề cử, ứng cử và bầu thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020, đảm bảo việc thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
2. Quy chế này điều chỉnh các hoạt động về việc đề cử, ứng cử và bầu thành viên Ban kiểm soát (BKS), bao gồm:
  - a) Quy định về đề cử, ứng cử thành viên BKS (Kiểm soát viên)
  - b) Quy định về việc bầu thành viên BKS
3. Đối tượng áp dụng: Đại biểu bao gồm Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (sau đây viết tắt là đại diện cổ đông) (theo danh sách cổ đông Công ty chốt đến ngày 31/12/2019), thành viên Ban tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

**Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Quyền của các cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông

Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi đến tham dự phiên họp ĐHĐCĐ đều được nhận một Phiếu bầu cử BKS, trên phiếu có ghi rõ số cổ phần mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ và số phiếu bầu tương ứng được sử dụng để bầu cử.

## **2. Nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông**

- a) Tuân thủ các điều kiện và thể thức bầu cử quy định tại Quy chế này;
- b) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự với Ban tổ chức Đại hội;
- c) Cổ đông, đại diện cổ đông khi được phát Phiếu bầu cử phải kiểm tra lại số cổ phần ghi trên Phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban tổ chức tại thời điểm nhận phiếu;
- d) Nghiêm túc chấp hành Quy chế bầu cử tại phiên họp ĐHĐCĐ, tôn trọng kết quả bỏ phiếu tại Đại hội.

## **CHƯƠNG II**

### **QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 3. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên**

##### **1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát**

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các qui định pháp luật hiện hành;
- b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- c) Không phải là người giữ các chức vụ quản lý Công ty; người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- d) Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;
- đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.



## **2. Quy định về đề cử, ứng cử Ban kiểm soát**

Các cổ đông sở hữu có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 25% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa hai (02) ứng viên.

### **Điều 5. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu thành viên Ban Kiểm soát**

1. Đơn đề cử, ứng cử vào các chức danh BKS (01 bản gốc) theo mẫu;
2. Sơ yếu lý lịch của ứng viên (01 bản gốc) theo mẫu;
3. Các văn bản chứng minh ứng cử viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo Quy chế, quy định của pháp luật (01 bản gốc hoặc bản sao hợp lệ).

### **Điều 6. Lựa chọn các ứng cử viên**

Dựa trên Đơn xin ứng cử, đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông đề cử, ứng cử vào thành viên BKS của Công ty, Ban tổ chức Đại hội sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định để đưa vào danh sách ứng viên tham gia bầu vào thành viên BKS và thông qua danh sách tại Đại hội.

### **Điều 7. Hồ sơ tham gia đề cử ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

- Đơn đề cử, ứng cử tham gia BKS, sơ yếu lý lịch theo mẫu trên Website [www.biwase.com.vn](http://www.biwase.com.vn)
- Bản sao các giấy tờ: CMND, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn.
- Hồ sơ đề cử, ứng cử gửi về Công ty trước 15h ngày **13/03/2020** (tính theo dấu bưu điện, quá thời hạn trên hồ sơ không có giá trị) theo địa chỉ sau:

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯƠNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: 11 Ngô Văn Trị, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: (0650) 3824245

Fax: (0650) 3897722

Liên hệ: Bà Dương Anh Thư

Điện thoại: 0919365689

## **CHƯƠNG III**

### **BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 8. Phiếu bầu cử và cách ghi phiếu bầu**

#### **1. Phiếu bầu**

- a) Phiếu bầu được in thống nhất do Ban tổ chức phát hành;

- b) Trên phiếu bầu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC; mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, số phiếu bầu, có đóng dấu treo Công ty ;
- c) Mỗi đại biểu sẽ được phát một (01) phiếu bầu: **Phiếu bầu Ban kiểm soát**. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

## 2. Cách ghi phiếu bầu

- a) Mỗi đại biểu được phát một (01) phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
  - Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu.
  - Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng, số phiếu sẽ được chia đều cho các ứng viên được chọn;
  - Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

### Lưu ý:

- Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng vào ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu tại ô “Số phiếu bầu”.
  - Khi đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” số phiếu bầu sẽ được chia đều cho các ứng viên được chọn, lúc này số phiếu mỗi ứng viên được nhận sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần lẻ (là phần thập phân nhỏ hơn 1) nếu có phát sinh sẽ tự động xóa bỏ.
- b) Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác;
  - c) Ký xác nhận việc thực hiện bầu.

## 3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- a) Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- b) Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
  - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
  - Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
  - Gạch tên các ứng cử viên;
  - Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
  - Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;

- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu của đại biểu;
- Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
- Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

### **Điều 9. Phương thức bầu cử**

- a) Việc bầu thành viên BKS thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;
- b) Tổng số phiếu bầu của mỗi cử động, đại diện cử động tương ứng với tổng số cử phần có quyền biểu quyết (bao gồm cử phần cá nhân sở hữu và cử phần được ủy quyền đại diện) nhân với số lượng Thành viên số lượng Kiểm soát viên được bầu. Cử động, đại diện cử động có quyền sử dụng hoặc không sử dụng một phần hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên.
- c) Số lượng Thành viên BKS được bầu là một (01) thành viên.

### **Điều 10. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

#### **1. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu**

- a) Ban Bầu cử và Kiểm phiếu gồm 03 người do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào BKS;
- b) Ban Bầu cử và Kiểm phiếu có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu bầu Thành viên BKS, bao gồm: Chuẩn bị hòm phiếu, phổ biến Quy chế bầu cử, danh sách ứng viên thành viên BKS, trình tự bỏ phiếu; hướng dẫn ghi phiếu; giám sát việc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

#### **2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

- a) Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cử động;
- b) Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cử động cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- c) Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- d) Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước ĐHĐCĐ.

### **Điều 11. Nguyên tắc xác định trúng cử thành viên Ban Kiểm soát**

1. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

**3. Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên BKS cần bầu thì sẽ tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.**

**Điều 12. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu**

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số phiếu thu về, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, số và tỉ lệ bầu cho từng ứng cử viên vào BKS; Danh sách thành viên BKS trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp.
2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước ĐHĐCĐ.

**Điều 13. Khiếu nại**

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa phiên họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

**Điều 14. Điều khoản thi hành**

Qui chế này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được đại hội thông qua.

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**



---

Trương Văn Nghĩa  
Trưởng Phòng Nhân Sự Quản Trị



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Số 11B Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
ĐT:0274 3842255-3842277 Fax:0274 3841838 Email:contact@tdmwater.vn-Website: tdmwater.vn

Số: 37/CPNTDM-HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 11 tháng 03 năm 2020

## ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ I (2016-2021)

*Kính gửi: BAN TỔ CHỨC - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG (BIWASE)*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực ngày 01/07/2015.
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương thông qua ngày 22/09/2016.

Chúng tôi, Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một là cổ đông của Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương đang sở hữu 57.750.000 cổ phần, chiếm 38,5% trên Tổng số cổ phần của Biwase.

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Quy chế bầu cử Thành viên Ban kiểm soát tại ĐHCĐ thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương, chúng tôi đồng ý đề cử các ông/bà có tên sau đây tham gia ứng cử Thành viên Ban kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ (2016-2011) như sau:

| TT | Họ và tên          | Ngày sinh | Nơi sinh           | Địa chỉ thường trú   | CMND      | Ngày cấp  | Trình độ chuyên môn |
|----|--------------------|-----------|--------------------|--|-----------|-----------|---------------------|
| 1  | Bà NGUYỄN KIM LIÊN | 22/8/1964 | Dĩ An - Bình Dương | Số 18A1, KDC Hiệp Thành 1, P. Hiệp Thành - TP.TDM - Bình Dương | 280356786 | 20/1/2018 | Cử nhân kinh tế     |

Chúng tôi xin cam đoan ứng viên đề cử nêu trên có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Điều lệ và Quy chế bầu cử Thành viên Ban Kiểm soát tại ĐHCĐ thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương, hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành./.

Trân trọng kính chào./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các bộ phận có liên quan;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Văn Trí

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## SƠ YẾU LÝ LỊCH



- Họ và tên: Nguyễn Kim Liên      Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 22/8/1964      Nơi Sinh: Dĩ An- Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Giấy CMND số: 280356786      cấp ngày 20/01/2018 tại CA Bình Dương
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường Hiệp Thành- TP TDM- BD
- Chỗ ở hiện nay: số 18 A1, Khu Dân cư Hiệp Thành 1, Phường Hiệp Thành- TP Thủ Dầu Một - BD
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

| Thời gian | Trường đào tạo                                   | Chứng chỉ đào tạo          | Khen thưởng | Kỷ luật |
|-----------|--|----------------------------|-------------|---------|
| 1984-1985 | Trung học Kinh tế - Tài chính tỉnh Sông Bé       | Giấy chứng nhận tốt nghiệp | không       | không   |
| 1989-1993 | Đại học Tài chính- Kế toán thành phố Hồ Chí Minh | Bằng Tốt nghiệp            | không       | không   |

### 10. Quá trình làm việc:

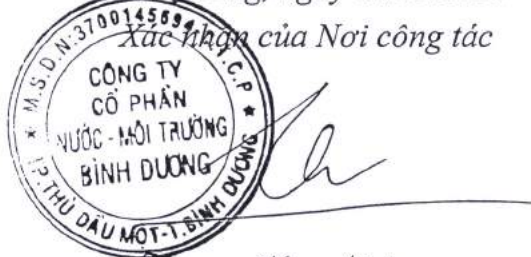
| Thời gian         | Nơi làm việc                        | Chức vụ                        | Khen thưởng                        | Kỷ luật |
|-------------------|-------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|---------|
| 1985- 1997        | Sở Tài chính – Vật giá Sông Bé      | Thanh tra viên, TTra Tài chính | Bằng khen của UBND tỉnh, Bộ TC     | không   |
| 1997- 7/2012      | Sở Tài chính BD                     | Phó chánh Thanh tra Tài chính  | Bằng khen của UBND tỉnh, Bộ TC     | không   |
| 7/2012 – 10/2012  | Sở Tài chính BD                     | Q.Chánh Thanh tra Tài chính    | Bằng khen của TTCP                 | không   |
| 10/2012 - 8/2019  | Sở Tài chính BD                     | Chi cục trưởng Chi cục TCDN    | HCLĐ hạng 3 của Chủ tịch nước tặng | không   |
| 9/2019- 11/2019   | Nghỉ hưu theo chế độ                |                                |                                    |         |
| 11/2019 – Đến nay | Công ty Cổ phần Nước- Môi trường BD | không                          | không                              | không   |

11 . Quan hệ thân nhân:

| Quan hệ | Họ và Tên             | Năm Sinh | Địa chỉ Thường trú           | Nghề nghiệp | Nơi công tác   |
|---------|-----------------------|----------|------------------------------|-------------|--|
| Chồng   | Nguyễn Văn Hoàng      | 1961     | Phường Hiệp Thành- TP TDM-BD | Công chức   | Cục Thuế tỉnh Bình Dương                                     |
| Con     | Nguyễn Thị Hoàng Oanh | 1990     | Phường Hiệp Thành- TP TDM-BD | Viên chức   | Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Bình Dương |
| Con     | Nguyễn Hoàng Kim      | 1999     | Phường Hiệp Thành- TP TDM-BD | Học sinh    | Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh                 |

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

Bình Dương, ngày .../03/2020



*Trương Văn Nghĩa*  
Trưởng Phòng Nhân Sự Quản Trị

Bình Dương, ngày 11 /2/2020

Người khai

**Nguyễn Kim Liên**

-----  
Thủ Dầu Một, ngày 16 tháng 03 năm 2020

## **TỜ TRÌNH**

*V/v Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cho nhiều đợt và sử dụng vốn phát hành của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương*

### **Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung 1 số điều Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 7/BB-HĐQT ngày 25/02/2020.

Để triển khai chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh trong giai đoạn tới, Ban điều hành công ty đã xây dựng và chuẩn bị phương án đầu tư các dự án trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nước sạch và xử lý chất thải để phục vụ cho khu vực tỉnh Bình Dương và các khu vực lân cận, cũng như đón đầu xu hướng phát triển mạnh mẽ của thành phố Bình Dương trong tương lai.

Dựa trên kết quả kinh doanh đạt được năm 2019, kế hoạch sử dụng vốn năm 2020 và nhu cầu đầu tư mở rộng quy mô hoạt động của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương, cũng như việc đại chúng hóa cơ cấu cổ đông của Công ty, Hội đồng Quản trị Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án “*Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cho nhiều đợt phát hành và sử dụng vốn phát hành*” như sau:

### **I. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ THÔNG QUA PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHO NHIỀU ĐỢT PHÁT HÀNH:**

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
2. Mã cổ phiếu: BWE.
3. Hình thức phát hành: phát hành cổ phiếu ra công chúng cho nhiều đợt phát hành (02 đợt phát hành) bằng hình thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE).
4. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
5. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
6. Số lượng cổ phiếu của 02 đợt phát hành (dự kiến): Tối đa 37.500.000 cổ phần.  
Trong đó:
  - Phát hành đợt 1 (dự kiến): 15.000.000 cổ phiếu
  - Phát hành đợt 2 (dự kiến): 22.500.000 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành thành công (dự kiến): Tối đa 187.500.000 cổ phiếu, trong đó:
  - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 150.000.000 cổ phiếu;



- Số lượng cổ phiếu phát hành mới (dự kiến): Tối đa 37.500.000 cổ phần.
  - + Phát hành đợt 1 (dự kiến): 15.000.000 cổ phiếu
  - + Phát hành đợt 2 (dự kiến): 22.500.000 cổ phiếu và phần cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt 1
8. Vốn điều lệ sau khi phát hành thành công (dự kiến): 1.875.000.000.000 đồng, trong đó:
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 1.500.000.000.000 đồng;
  - Vốn điều lệ thu được sau khi phát hành mới: 375.000.000.000 đồng.
9. Giá đấu giá khởi điểm: Hội đồng quản trị phê duyệt tại thời điểm phát hành của từng đợt, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.
10. Nguyên tắc xác định Giá đấu giá khởi điểm của từng đợt phát hành: không thấp hơn trung bình của giá đóng cửa trong 30 phiên giao dịch liên tiếp của cổ phiếu BWE tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) tính đến thời điểm Hội đồng quản trị quyết định mức giá phát hành để làm việc với HOSE hoặc/và giá trị sổ sách của cổ phiếu BWE tại Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng/Hợp nhất năm 2019 hoặc BCTC soát xét tại thời điểm quyết định mức Giá đấu giá khởi điểm.
11. Hạn chế chuyển nhượng: cổ phiếu phát hành thông qua hình thức đấu giá công khai không bị hạn chế chuyển nhượng.
12. Xử lý cổ phiếu còn dư do đấu giá không thành công: Hội đồng quản trị tiếp tục phân bổ cho các đối tượng khác có nhu cầu mua. Giá chào bán là trung bình giá đấu giá thành công của cuộc đấu giá theo phương pháp bình quân gia quyền. Toàn bộ số lượng cổ phiếu được tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày Công ty hoàn tất đợt chào bán.
13. Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu bị từ chối mua như sau:
- Có năng lực tài chính mạnh, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty;
  - Có kinh nghiệm tư vấn, hỗ trợ Công ty trong các lĩnh vực mà công ty đang hoạt động;
  - Cam kết nắm giữ cổ phiếu trong thời gian tối thiểu 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán.
- Nhà đầu tư đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 3 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP và quy định về đầu tư góp vốn của công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 189 Luật doanh nghiệp.
- Công ty có thể phân phối số cổ phiếu còn dư cho cả nhà đầu tư nước ngoài nhưng cam kết luôn đảm bảo quy định về tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.
- Trong trường hợp Hội đồng quản trị không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số cổ phiếu này sẽ được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt phát hành.
14. Thời gian thực hiện phát hành dự kiến: từ Quý 2/2020 sau khi có chấp thuận chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cụ thể: Đợt 1-Tháng 7/2019 và Đợt 2-Tháng 11/2019.

## II. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC:

Hiện tại, Công ty đang có nhu cầu đầu tư các dự án nâng cấp, mở rộng các nhà máy liên quan đến lĩnh vực cấp nước, xử lý nước thải và các khoản đầu tư khác phục vụ tăng quy mô hoạt động của đơn vị với tổng giá trị đầu tư là: 814.202.623.422 đồng. Công ty sẽ giải ngân vào các mục đích theo đúng lộ trình của các đợt phát hành theo hình thức đấu giá công khai như sau:

### 1. Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt đấu giá công khai lần 1: Bù đắp vốn lưu động đã sử dụng để đầu tư các dự án với giá trị là 350.421.046.000 đồng

#### 1.1 Vốn đối ứng cho 02 hạng mục thuộc Dự án đầu tư Cấp nước Khu Liên Hợp Bình Dương (mở rộng, nâng công suất Nhà máy nước Tân Hiệp tăng thêm 100.000m<sup>3</sup>/ngày đêm): 109.428.586.000 đồng.

Các hạng mục đầu tư cần sử dụng vốn bao gồm:

- Hạng mục 1: Công trình thu – Trạm bơm nước thô
  - Giá trị đầu tư: 119.428.586.000 đồng;
  - Vốn đối ứng: 19.428.586.000 đồng;
  - Vốn vay ngân hàng và các tổ chức khác: 100.000.000.000 đồng;
  - Tiến độ đầu tư: đã triển khai.
- Hạng mục 2: Xây dựng và lắp đặt tuyến ống nước thô D1500mm
  - Giá trị đầu tư: 305.000.000.000 đồng;
  - Vốn đối ứng: 90.000.000.000 đồng;
  - Vốn vay ngân hàng và các tổ chức khác: 215.000.000.000 đồng;
  - Tiến độ đầu tư: đã triển khai.

#### 1.2 Bù đắp vốn đối ứng đã thanh toán tiền đất (đợt 1, đợt 2) để xây dựng Trụ sở mới của Công ty và cho thuê kinh doanh tại khu Thành phố mới Bình Dương: 175.449.120.000 đồng

Năm 2019, để phục vụ cho kế hoạch xây dựng Trụ sở mới của Công ty cũng như xây dựng văn phòng cho thuê tại Thành phố Mới Bình Dương, Hội đồng quản trị Công ty đã ký Hợp đồng nguyên tắc số 98/HĐNT/2019 ngày 5/11/2019 với Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp – CTCP với tổng giá trị hợp đồng khoảng 292.415.200.000 đồng cho khu đất cạnh nhà máy SX nước đóng chai hiện hữu với diện tích mở rộng 9.494m<sup>2</sup> tại đường Tạo lực 4 và Tạo lực 7 khu đô thị Mới thuộc KLH CN- DV- ĐT Bình Dương. Trong đó, Công ty đã sử dụng vốn lưu động để thanh toán đợt 1 (tháng 12/2019) và sẽ thanh toán đợt 2 (tháng 5/2020): 175.449.120.000 đồng (tương đương 60% giá trị hợp đồng).

Lộ trình thanh toán như sau:

| Đợt thanh toán | Thời gian                                    | Tiến độ | Giá trị (đồng)  |
|----------------|--|---------|-----------------|
| Đợt 1          | Tháng 12/2019                                | 30%     | 87.724.560.000  |
| Đợt 2          | Tháng 5/2020                                 | 30%     | 87.724.560.000  |
| Đợt 3          | Tháng 11/2020                                | 35%     | 102.345.320.000 |
| Đợt 4          | Sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 5%      | 14.620.760.000  |
|                | Tổng cộng                                    | 100%    | 292.415.200.000 |

#### 1.3 Bù đắp vốn đối ứng đã chi trả theo cam kết góp vốn thêm vào Công ty Cổ phần Đầu

tư Xây dựng Chánh Phú Hòa (đợt 1/2020): 65.543.340.000 đồng

Công ty đã sử dụng nguồn vốn lưu động để thực hiện quyền mua cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với tư cách là cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa. Do đó, Hội đồng quản trị sẽ sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành năm 2020 để bù đắp lại phần vốn lưu động đã sử dụng để góp vốn và chuẩn bị hoàn tất việc góp vốn trong thời gian tới như Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa quy định.

Thông tin về khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa:

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu: 8.192.197 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua thêm: 8.192.197 cổ phiếu;
- Giá trị cần thanh toán trong đợt 1/năm 2020: 65.543.340.000 đồng.

**2. Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt đấu giá công khai lần 2: Chuẩn bị vốn để đầu tư các dự án với giá trị là 463.781.577.422 đồng**

- 1.1 Góp vốn đợt 2/2020 vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa: 49.157.502.000 đồng.
- 1.2 Thanh toán tiền đất (đợt 3, đợt 4) để xây dựng Trụ sở mới của Công ty và cho thuê kinh doanh tại khu Thành phố mới Bình Dương: 116.966.080.000 đồng (*thông tin chi tiết đã được trình bày phía trên*).
- 1.3 Chuẩn bị Vốn đối ứng cho Dự án Đầu tư xây dựng lò đốt rác, công suất 8.400 kg/giờ tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương: 85.490.060.691 đồng
  - Giá trị đầu tư: 284.966.868.969 đồng;
  - Vốn đối ứng (30% giá trị đầu tư): 85.490.060.691 đồng;
  - Vốn vay ngân hàng và các tổ chức khác: 199.476.808.278 đồng;
  - Tiến độ đầu tư: chuẩn bị triển khai.
- 1.4 Chuẩn bị Vốn đối ứng cho Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân compost, công suất tăng thêm 840 tấn/ngày tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương: 112.167.934.731 đồng
  - Giá trị đầu tư: 373.893.115.770 đồng;
  - Vốn đối ứng (30% giá trị đầu tư): 112.167.934.731 đồng;
  - Vốn vay ngân hàng và các tổ chức khác: 261.725.181.039 đồng;
  - Tiến độ đầu tư: chuẩn bị triển khai
- 1.5 Thanh toán đợt 1 tiền gốc trái phiếu BWEBOND2018: 100.000.000.000 đồng
  - Loại hình trái phiếu : Trái phiếu không chuyển đổi và có tài sản đảm bảo;
  - Khối lượng phát hành : 2.000 trái phiếu;
  - Mệnh giá trái phiếu : 100.000.000 đồng/trái phiếu;
  - Giá trị trái phiếu : 200.000.000.000 đồng;
  - Kỳ hạn trái phiếu : 3 năm;
  - Ngày phát hành : 10/01/2019;
  - Ngày đáo hạn : 10/01/2022;
  - Mục đích phát hành : Tăng quy mô vốn hoạt động của Doanh nghiệp;
  - Tình hình sử dụng vốn thu được: Công ty dùng để trả tiền bồi thường đất diện tích 4,5ha để Mở rộng dự án Nhà máy nước Tân Hiệp; Trả tiền lương, điện phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thời điểm thanh toán nợ gốc trái phiếu:

|       | Ngày thanh toán | Giá trị thanh toán (đồng) | Điều khoản thanh toán                                    |
|-------|-----------------|---------------------------|--|
| Đợt 1 | 10/01/2021      | 100.000.000.000           | Cam kết thanh toán 50% sau 24 tháng kể từ ngày phát hành |
| Đợt 2 | 10/01/2022      | 100.000.000.000           | Cam kết thanh toán 50% tại thời điểm đáo hạn             |

Trên đây là các mục đích sử dụng vốn dự kiến của Công ty. Phương án chi tiết của từng mục đích sử dụng vốn sẽ được Hội đồng quản trị tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng và phối hợp với các đơn vị tư vấn xây dựng kế hoạch đầu tư hiệu quả.

Dựa vào kết quả đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động phân bổ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành và kết hợp với nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng và nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh của công ty để đầu tư vào tất cả các mục đích hoặc một vài mục đích đã trình bày như trên có điều chỉnh tăng/giảm giá trị đầu tư theo diễn biến thực tế của nền kinh tế.

### III. CÁC NỘI DUNG ỦY QUYỀN KHÁC:

Với nhu cầu cần có thêm nguồn vốn bổ sung cho hoạt động kinh doanh của Công ty và cân nhắc những diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới và trong nước có thể tiếp tục diễn ra trong năm 2020-2021, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành theo thẩm quyền nhưng không giới hạn các điều sau:

1. Triển khai chi tiết hoặc/và chỉnh sửa phương án phát hành;
2. Trong trường hợp việc phát hành thành nhiều đợt bị vướng mắc do hướng dẫn của pháp luật/yếu tố biến động bất thường của thị trường, Hội đồng quản trị chủ động phát hành thành 01 đợt như các phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng mà pháp luật cho phép;
3. Lựa chọn triển khai tất cả hoặc một vài mục đích trong các mục đích đã xin Đại hội đồng cổ đông, có điều chỉnh tăng/giảm giá trị đầu tư so với phương án đã xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông;
4. Quyết định mức Giá đầu giá khởi điểm để đấu giá công khai tại HOSE;
5. Chủ động xây dựng báo cáo khả thi cho mỗi mục đích sử dụng vốn đã trình Đại hội đồng quản trị;
6. Chủ động cân đối các mục đích sử dụng vốn, theo dõi chặt chẽ tình hình kinh tế vĩ mô của thế giới và trong nước (đặc biệt liên quan đến thiên tai, dịch bệnh...) để từ đó lựa chọn đầu tư vào các dự án thích hợp, giảm thiểu rủi ro cho cổ đông và Công ty;
7. Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ phát hành cổ phiếu gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
8. Lựa chọn thời điểm thích hợp triển khai đợt phát hành;
9. Thực hiện xử lý số cổ phiếu không phân phối hết trong trường hợp người được quyền mua không mua hết;
10. Thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương sau khi hoàn tất đợt phát hành;

11. Sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành;
12. Hội đồng quản trị chủ động điều chỉnh phương án sử dụng vốn cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo với ĐHCĐ gần nhất;
13. Đăng ký, lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM đối với số cổ phiếu được phát hành (trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn tất các đợt phát hành thêm cổ phiếu);
14. Các công việc khác có liên quan đến việc phát hành.

#### **IV. CÁC NỘI DUNG KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH**

1. Tỷ lệ phát hành thành công tối thiểu: 0%
2. Phương án xử lý trong trường hợp đợt phát hành không thành công: Công ty sẽ chủ động tìm kiếm các nguồn vốn vay tín dụng có chi phí hợp lý, hoặc các nguồn vốn khả dụng khác để thực hiện đầu tư.
3. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành thành công (bao gồm tất cả các đợt phát hành):

##### **– Rủi ro pha loãng giá giao dịch**

Đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức đấu giá công khai nên giá cổ phiếu BWE đang giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM không bị điều chỉnh.

##### **– Rủi ro pha loãng EPS**

Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS_{\text{pha loãng}} = E / Q_{\text{bq}}$$

Trong đó:

- EPS pha loãng: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt phát hành thành công
  - E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
  - $Q_{\text{bq}}$ : Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau phát hành)
- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

##### **– Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần**

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau:

$$BV = NVCSH / (Q - CPQ)$$

Trong đó:

- NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông
- Q: Tổng số cổ phiếu đã phát hành
- CPQ: Tổng số cổ phiếu quỹ
- BV: Giá trị sổ sách cổ phiếu

Với việc phát hành cổ phiếu thì giá trị sổ sách cổ phiếu (BV) năm 2020 có thể giảm nếu tốc độ tăng của Q cao hơn tốc độ tăng của NVCSH.

##### **– Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết**

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm nếu cổ đông

hiện hữu không tham gia đấu giá cổ phần.

Hội đồng quản trị công ty sẽ nghiên cứu, triển khai các nội dung khác của phương án tăng vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo kế hoạch đầu tư của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

Kính trình Đại hội.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Cty;
- Ban TGD Cty;
- Thành viên BKS Cty;
- Lưu: VT – HĐQT.



*Nguyễn Văn Thiên*

Số: 44 /TTr.HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 5 tháng 03 năm 2020

## TỜ TRÌNH

V/v kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế và các quỹ năm 2020.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Nước – Môi Trường Bình Dương.
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

Nay Hội đồng quản trị Công ty CP Nước – Môi Trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN và các quỹ năm 2020 như sau:

### I./ Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020.

- |  |                                |
|--|--------------------------------|
| 1. Dự kiến chia cổ tức năm 2020  | : 12% trên vốn điều lệ đã góp. |
| 2. Trích các quỹ   | : 55% LNST                     |
| a. Quỹ đầu tư phát triển   | : 35% LNST                     |
| b. Quỹ khen thưởng, phúc lợi   | : 15% LNST                     |
| - Quỹ khen thưởng  | : 14% LNST                     |
| - Quỹ phúc lợi   | : 1% LNST                      |
| c. Quỹ thưởng người quản lý  | : 5% LNST                      |
| 3. Lợi nhuận còn lại sau phân phối sẽ bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển. |                                |

### II./ Quỹ tiền lương của người lao động và Quỹ tiền lương của lãnh đạo, người quản lý điều hành trực tiếp Công ty năm 2020.

- |  |                   |
|--|-------------------|
| 1. Quỹ tiền lương của người lao động                                       | : 10% Doanh thu.  |
| 2. Quỹ tiền lương của lãnh đạo, người quản lý điều hành trực tiếp Công ty. | : 0,3% Doanh thu. |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thiên

Số: 12 /TTr.HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 5 tháng 03 năm 2020

**TỜ TRÌNH**  
**V/v thông qua tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và**  
**Thư ký năm 2020.**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Nước – Môi Trường Bình Dương.
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
- Căn cứ mức thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký năm 2019.

Nay Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Nước – Môi Trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2020 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định hiện hành với số lượng nhân sự cụ thể như sau :

| STT       | Chi tiết                                    | Số lượng |
|-----------|---|----------|
| <b>I</b>  | <b>Tiền lương</b>                           |          |
| 1         | Chủ tịch HĐQT chuyên trách                  | 01       |
| 2         | Trưởng ban kiểm soát chuyên trách           | 01       |
| <b>II</b> | <b>Thù lao</b>                              |          |
| 1         | Thành viên HĐQT không chuyên trách          | 06       |
| 2         | Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách | 02       |
| 3         | Thư ký Hội đồng quản trị                    | 01       |

Công ty sẽ chi trả tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
Nguyễn Văn Thiên



Số: 13 /TTr.HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 5 tháng 03 năm 2020

## TỜ TRÌNH

### V/v Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp 2014”)
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty là **Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC**

Công ty Kiểm toán trên hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và nằm trong danh sách các Công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 và được cung cấp dịch vụ kiểm toán cho các Công ty niêm yết theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thiên